

PHẦN A
MỜI THẦU

CÔNG TY CP XI MĂNG **GxD**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2007

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Công ty cổ phần xi măng **GxD** có kế hoạch tổ chức đấu thầu theo Luật Đấu thầu gói thầu: Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước, thuộc dự án nhà máy xi măng **GxD**, sử dụng vốn vay thương mại.

Công ty cổ phần xi măng **GxD** mời các nhà thầu có đủ năng lực kinh nghiệm và có điều kiện tới tham gia đấu thầu gói thầu nêu trên.

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia đấu thầu có thể tìm hiểu các thông tin chi tiết và sẽ được mua một bộ hồ sơ mời thầu hoàn chỉnh với giá là: 1.000.000 đồng tiền Việt Nam (Một triệu đồng chẵn) bằng tiền mặt tại :

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG **GxD**

Địa chỉ : *Giaydung.vn*

Điện thoại :

Fax :

Thời gian bán Hồ sơ mời thầu từ 8giờ 00 ngày tháng... năm 2007 đến trước 16 giờ 00 ngày tháng... năm 200...

Hồ sơ dự thầu phải kèm theo bảo đảm dự thầu trị giá 500.000.000 đồng tiền Việt Nam (Năm trăm triệu đồng chẵn) bằng bảo lãnh của ngân hàng mà nhà thầu mở tài khoản và phải được gửi đến Công ty cổ phần xi măng **GxD** (theo địa chỉ ghi ở mục 3) chậm nhất là trước..... giờ ngàytháng..... năm 200....

Hồ sơ dự thầu sẽ được mở công khai vào hồi ... giờ ngàytháng..... năm 200... tại trụ sở Công ty cổ phần xi măng **GxD**.

Công ty cổ phần xi măng **GxD** kính mời các đại diện của các nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu tới tham dự lễ mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên

Công ty cổ phần xi măng **GxD**

LỊCH THỰC HIỆN ĐẦU THẦU

TT	Nội dung Công việc	Thời gian	Địa điểm
1	Kế hoạch đấu thầu		Trên tờ “Thông tin đấu thầu” của Bộ KH&ĐT và báo Nhân Dân
2	Đăng ký mua hồ sơ mời thầu (trực tiếp hoặc bằng Fax)		Tại Cty CP XM GxD
3	Bán hồ sơ mời thầu		Tại Cty CP XM GxD
4	Tổ chức đi thăm hiện trường (Nhà thầu tự tổ chức)		Khu vực thi công gói thầu
5	Ngày cuối cùng nhận các câu hỏi bằng văn bản của nhà thầu		Tại Cty CP XM GxD
6	Giải thích HSMT và giải đáp các câu hỏi của nhà thầu		Tại Cty CP XM GxD hoặc bằng bản fax
7	Nhận hồ sơ dự thầu		Tại Cty CP XM GxD
8	Mở thầu		Tại Cty CP XM GxD
9	Công bố kết quả đấu thầu	Thông báo sau	Bằng văn bản gửi đến các nhà thầu.
10	Đàm phán và ký kết hợp đồng	Thông báo sau	Tại Cty CP XM GxD

PHẦN B
NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU

B1. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẦU THẦU

I. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

I-1. Nội dung đấu thầu

a. Giới thiệu chung về dự án

- Dự án nhà máy XM **GxD** tỉnh ABC công suất 5.500 tấn clinker/ngày tương đương 2,07 triệu tấn xi măng PCB40/năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và cho phép đầu tư tại quyết định số 642/QĐ-TT ngày 05/8/2002.

- Cảng nhập clinker Trạm nghiền – Nhà máy xi măng **GxD** được thiết kế cho tàu 10.000 DWT, khu vực bến xuất và phía sau cảng nhập cho phép tàu có trọng tải ≤ 500 DWT ra vào neo đậu. Cao độ tự nhiên tại khu vực này không đảm bảo cho tàu có thể ra vào neo đậu.

Hồ sơ thiết kế BVTC Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền sẽ giải quyết vấn đề nêu trên.

b. Giới thiệu khái quát về dự án

- **Tên dự án:** Dự án nhà máy xi măng **GxD**
- **Hạng mục:** Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền

Chủ đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG **GXD**

Địa chỉ: *giaxaydung.vn*

Điện thoại :

Fax :

Địa điểm xây dựng:.

Hình thức đầu tư: Xây dựng mới

Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp điều hành quản lý dự án

c. Các căn cứ để lập hồ sơ mời thầu

- Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội
- Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình
- Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội
- Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
- Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
- Hồ sơ thiết kế BVTC Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền
- Kế hoạch đấu thầu đã được duyệt

I-2. Nguồn vốn

Nguồn vốn thực hiện gói thầu là vốn vay thương mại.

I-3. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu

Nhà thầu tham dự gói thầu phải có đủ các điều kiện pháp lý sau đây:

- Là doanh nghiệp xây dựng Việt Nam, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh và thực hiện đúng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu.
- Hoạch toán kinh tế độc lập
- Không bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể
- Chỉ tham gia một đơn dự thầu đối với một gói thầu với tư cách là nhà thầu độc lập hay liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ người đứng đầu của liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên
- Đáp ứng yêu cầu nêu trong thông báo mời thầu
- Đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh

I-4. Hồ sơ mời thầu và giải thích làm rõ hồ sơ mời thầu

1. Nội dung hồ sơ mời thầu

a. Các yêu cầu về mặt kỹ thuật

Thi công Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên

Đặc điểm hạng mục Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên

- Nạo vét khu nước trước cảng nhập đến cao trình: -9.40m (hệ Hải Đồ)
- Nạo vét khu nước trước bến xuất đến cao trình: -3.2m (hệ Hải Đồ)

Bảng các thông số khu vực nạo vét

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều rộng khu nước trước cảng nhập	m	56
2	Chiều dài khu nước trước cảng nhập	m	180
3	Cao độ đáy nạo vét khu nước trước cảng nhập	m	-9.4
4	Cao độ đáy nạo vét khu nước trước bến xuất	m	-3.2
5	Mái dốc nạo vét		1:3

Khối lượng cụ thể được nêu trong bảng dữ liệu đấu thầu.

b. Yêu cầu về mặt tài chính thương mại

Các chi phí để thực hiện gói thầu

Giá chào và biểu giá chi tiết

Phương thức và điều kiện thanh toán

Nguồn tài chính

Đồng tiền dự thầu

Các khoản nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng

c. Tiêu chuẩn đánh giá, điều kiện tiên quyết, điều kiện ưu đãi, thuế, bảo hiểm và các yêu cầu khác

2. Giải thích và làm rõ hồ sơ mời thầu

- Trường hợp Nhà thầu cần làm rõ hồ sơ mời thầu thì phải làm văn bản đề nghị đến Công ty cổ phần xi măng **GxD** theo địa chỉ: *Giaxydung.vn*
- Công ty cổ phần xi măng **GxD** sẽ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu cho nhà thầu có yêu cầu
- Nếu các nhà thầu có yêu cầu, chủ đầu tư sẽ tổ chức chung một buổi giải thích hồ sơ mời thầu cho tất cả các nhà thầu thắc mắc. Thời gian và địa điểm theo thông báo trong lịch thực hiện đấu thầu. Nhà thầu nào có nhu cầu giải thích thêm hồ sơ mời thầu đều phải gửi văn bản cho bên mời thầu trước hạn chót nộp hồ sơ dự thầu 10 ngày (sau thời điểm trên, chủ đầu tư không phải trả lời thắc mắc cho các nhà thầu).
- Tất cả các yêu cầu khác của chủ đầu tư ngoài phạm vi thiết kế kỹ thuật và hồ sơ mời thầu đều được thể hiện bằng văn bản do chủ đầu tư ký tên, đóng dấu. Mọi thông tin từ những nguồn khác và dưới bất cứ hình thức nào đều không có giá trị và các nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm về kết quả xử lý những thông tin đó.

I-5. Sửa đổi hồ sơ mời thầu

- Trong trường hợp đặc biệt cần sửa đổi một số nội dung trong hồ sơ mời thầu khi chưa hết hạn đóng thầu hoặc do bất khả kháng, bên mời thầu có thể gia hạn thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu.
- Nội dung yêu cầu sửa đổi hồ sơ mời thầu sẽ được gửi bằng văn bản của chủ đầu tư đến tất cả các nhà thầu đã tham gia dự thầu trước thời điểm đóng thầu đã quy định ít nhất 10 ngày để nhà thầu có đủ thời gian hoàn thiện hồ sơ dự thầu.
- Các tài liệu chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung là một bộ phận của hồ sơ mời thầu. Nhà thầu khi nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung của chủ đầu tư thì phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng điện tín là đã nhận được tài liệu sửa đổi, bổ sung đó.

I-6. Chí phí dự thầu

Mọi nhà thầu tham gia dự thầu đều phải mua một bộ hồ sơ mời thầu (bao gồm cả thuyết minh và bản vẽ thiết kế kỹ thuật) do Công ty cổ phần xi măng **GxD** phát hành với giá là 1.000.000 (Một triệu đồng chẵn) bằng tiền mặt. Khoản tiền này sẽ không được hoàn trả lại cho Nhà thầu, không phụ thuộc vào nhà thầu có được lựa chọn trúng thầu hay không.

Các chi phí: Khảo sát hiện trường, chuẩn bị hồ sơ dự thầu... do nhà thầu tự thu xếp

I-7. Ngôn ngữ sử dụng

Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và các tài liệu trao đổi giữa các bên mời thầu và các nhà thầu thống nhất là ngôn ngữ tiếng Việt.

I-8. Nội dung hồ sơ dự thầu

1. Hướng dẫn lập hồ sơ dự thầu:

Quy cách hồ sơ dự thầu: **xem mục I-15**

Niêm phong và cách ghi trên túi đựng hồ sơ dự thầu: **xem mục I-16**

Bên mời thầu không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp không tuân theo các quy định trên đây. Khi nộp hồ sơ dự thầu, bên mời thầu sẽ từ chối nhận hồ sơ dự thầu và lập biên bản không tiếp nhận hồ sơ dự thầu đối với hồ sơ dự thầu vi phạm

Nhà thầu phải được coi là đã hài lòng về tính đúng đắn và đầy đủ của hồ sơ dự thầu của mình. Sau khi hết thời hạn nộp hồ sơ dự thầu cũng như sau khi công bố thắng thầu, nhà thầu không được tìm cách để thay đổi những nội dung đã được nêu trong hồ sơ dự thầu đó.

Do đó trước khi nộp hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải nghiên cứu kỹ hồ sơ mời thầu, xem xét kỹ công trường, kể cả tình hình địa hình, địa chất, khí tượng thủy văn nơi xây dựng công trình và các chế độ chính sách về xây dựng để lập hồ sơ cho phù hợp và đem lại lợi ích thiết thực cho mình.

Những gì chưa rõ thuộc nhiệm vụ của chủ đầu tư phải cung cấp thì nhà thầu có quyền yêu cầu chủ đầu tư giải đáp.

Nội dung và trật tự các tài liệu trong mỗi bản hồ sơ dự thầu phải được sắp xếp theo mục lục như sau:

1.1- Thuyết minh tài liệu đấu thầu:

Nhà thầu thuyết minh với mục đích hướng dẫn cho tổ chuyên gia đánh giá hồ sơ dự thầu cách xem và hiểu nhanh nhất những điểm chính trong hồ sơ của mình.

1.2- Đơn dự thầu (xem mục I-9).

1.3- Bản phụ lục về một số điều kiện hợp đồng kèm theo đơn dự thầu (mẫu số 2), nhà thầu không được đặt ra các điều kiện trái với điều kiện trong hồ sơ mời thầu hoặc trái với các quy định của pháp luật hiện hành.

1.4- Giấy bảo lãnh dự thầu (theo mẫu số 3). Các nhà thầu phải nộp như là một bộ phận của hồ sơ dự thầu:

- Giá trị bảo lãnh dự thầu là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) bằng tiền mặt, séc bảo chi hoặc giấy bảo lãnh ngân hàng.
- Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh dự thầu có giá trị kể từ ngày nộp hồ sơ dự thầu đến sau 30 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của hồ sơ dự thầu.
- Trong trường hợp nhà thầu không nộp bảo lãnh dự thầu như đã quy định thì hồ sơ dự thầu đó sẽ bị loại.
- Chủ đầu tư sẽ trả lại tiền bảo lãnh cho nhà thầu không trúng thầu (chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu thầu).
- Đối với các nhà thầu trúng thầu chủ đầu tư sẽ trả lại bảo lãnh dự thầu khi nhà thầu có bảo lãnh thực hiện hợp đồng và ký kết hợp đồng xây lắp.
- Nhà thầu không được nhận lại bảo lãnh dự thầu trong các trường hợp sau:
 - + Trúng thầu nhưng từ chối thực hiện hợp đồng hoặc không nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng đúng thời hạn quy định;
 - + Rút hồ sơ dự thầu sau khi đóng thầu;

1.5- Bản khai về nhà thầu phụ, nếu có (theo mẫu 4)

Nhà thầu chính giới thiệu và chịu trách nhiệm về các nhà thầu phụ (nếu có) trong hồ sơ dự thầu, nhà thầu phụ cũng phải có đủ tư cách, năng lực với phần công việc được giao, các công việc của nhà thầu phụ không được vượt quá 40% giá trị hợp đồng.

1.6- Dữ liệu về liên danh, nếu có (theo mẫu 5). Trong trường hợp liên danh hoặc liên doanh (sau đây gọi chung là liên danh) để dự thầu các đơn vị tham gia liên danh phải có đủ tư cách và năng lực. Các dữ liệu liên danh phải đầy đủ và đơn dự thầu do 1 đại diện liên danh có giấy ủy quyền hợp pháp đứng tên.

1.7- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh; quyết định thành lập Doanh nghiệp (có công chứng).

1.8- Tài liệu giới thiệu năng lực nhà thầu:

- a) Thông tin chung (theo mẫu 6)
- b) Số liệu tài chính (theo mẫu 7): Phân năng lực tài chính phải thể hiện rõ ràng, các bản khai phải có xác nhận của cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan quản lý tài chính có thẩm quyền hoặc của cơ quan quản lý cấp trên.
- c) Giấy cam kết bảo đảm cung cấp vốn để thực hiện gói thầu của Ngân hàng hoặc tổ chức tài chính hợp pháp.
- d) Hồ sơ kinh nghiệm, kèm theo bản sao các hợp đồng (theo mẫu 8) hoặc văn bản của Chủ đầu tư xác nhận là đã hoàn thành hợp đồng đảm bảo chất lượng tiến độ yêu cầu hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng hoặc bản thanh lý hợp đồng.
- e) Bản kê khai thiết bị thi công, thiết bị kiểm tra, thí nghiệm dùng để thi công công trình, nếu thắng thầu (theo mẫu 9)
- f) Bản kê khai về bố trí nhân lực để thực hiện xây lắp công trình, nếu thắng thầu (theo mẫu 10)

Các bản kê khai về trang thiết bị thi công, thí nghiệm kiểm tra và nhân lực sẽ đảm nhận nhiệm vụ thi công phải được bảo đảm tính khả thi. Nhà thầu trúng thầu, khi thi công mà bố trí khác đi phải được sự thống nhất của chủ đầu tư sau khi đã được cấp quyết định đầu tư cho phép, nếu không sẽ bị xử lý như trường hợp vi phạm hợp đồng.

Tất cả các chứng chỉ, chứng nhận nếu là bản sao thì nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng bản gốc để khi tổ chuyên gia chấm thầu có yêu cầu kiểm tra thì nhà thầu phải giải trình kịp thời. Nếu không thì bị coi là thiếu tin cậy, bị trừ bớt điểm, thậm chí bị loại.

g) Sơ đồ tổ chức điều hành hiện trường (theo mẫu 11)

1.9- Thiết kế biện pháp tổ chức thi công chỉ đạo tổng thể và các hạng mục:

- a) Trình bày về giải pháp kỹ thuật thi công các hạng mục, kèm theo sơ đồ công nghệ thi công đối với các loại công việc phức tạp.

Trình bày biện pháp quản lý chất lượng của nhà thầu. Các chỉ tiêu chất lượng công trình chủ yếu Nhà thầu sẽ thực hiện được.

Lưu ý: Nhà thầu cần thuyết minh cụ thể về các thiết bị thi công, các thiết bị kiểm tra và nguồn cung cấp vật tư nguyên liệu, quy cách phẩm chất của chúng được sử dụng vào công trình.

- b) Tổ chức thi công và tiến độ thực hiện:

Trình bày sơ đồ tổ chức thi công của nhà thầu; lập biểu tiến độ thi công cho từng hạng mục và toàn công trình kèm theo biểu đồ phân bổ nhân lực và máy móc, thiết bị thi công tương ứng. Biểu tiến độ thi công có thể lập theo sơ đồ ngang. Trên đó có ghi rõ số lượng, công suất các loại máy, thiết bị chủ yếu, số ca máy làm việc, số lượng lao động của đơn vị. Các nội dung phải phù hợp với thời gian thi công.

1.10- Biện pháp bảo đảm giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ: Trong biện pháp an toàn lao động phải nêu rõ về biện pháp bảo đảm an toàn công trình, an toàn thiết bị, an toàn cho con người, biện pháp bảo vệ môi trường.

1.11- Giá dự toán dự thầu: **xem mục I-10**

1.12- Biểu dự kiến giá trị thanh toán hợp đồng (theo mẫu 14)

1.13- Bản hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp công trình (theo mẫu 17).

2. Mẫu giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

Giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng (theo mẫu 16 có giá trị bằng 10% giá trị hợp đồng) nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu trước khi ký hợp đồng xây lắp.

Nhà thầu phải nêu rõ trong đơn dự thầu cam kết khi trúng thầu sẽ nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng và nêu rõ hình thức bảo lãnh. Nếu trong hồ sơ dự thầu không cam kết nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng khi trúng thầu thì hồ sơ dự thầu đó coi như không hợp lệ và sẽ bị loại.

3. Mẫu hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp công trình:

Hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu sẽ được ký kết với các nội dung theo mẫu 17. Nếu thấy có nội dung gì về mẫu hợp đồng cần sửa đổi, nhà thầu cần nêu lên trong hồ sơ dự thầu ở phần mẫu hợp đồng.

Trong thời hạn 05 ngày sau khi Chủ đầu tư trao quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, nhà thầu trúng thầu phải gửi giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng để hai bên tiến hành ký kết hợp đồng.

4. Một số yêu cầu về hồ sơ dự thầu:

a. Thời hạn nộp thầu: theo mục I-17

b. Thủ tục giải quyết hồ sơ dự thầu nộp muộn: theo mục I-18

c. Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu: theo mục I-14

d. Sửa đổi và rút hồ sơ dự thầu: theo mục I-29

e. Thư giảm giá (nếu có): Thư giảm (hoặc tăng) giá (nếu có) là một thành phần của giá dự thầu. Thư giảm giá phải được để trong phong bì to đựng cùng với các bản hồ sơ dự thầu (không kẹp trong bất cứ tập nào của hồ sơ dự thầu) hoặc để riêng trong 1 phong bì được dán kín, có dấu niêm phong và phải được nộp cho bên mời thầu vào trước thời điểm đóng thầu.

Nếu Nhà thầu có thư giảm giá mà không để đúng quy định trên thì thư giảm giá đó được coi là không hợp lệ và bên mời thầu sẽ trả lại cho Nhà thầu ở trạng thái nguyên trạng.

Trong thư giảm giá, nhà thầu phải ghi rõ tỷ lệ giảm hoặc số tiền giảm, giá bỏ thầu sau giảm giá, giảm giá ở những phần việc gì, ở đơn giá nào và đơn giá bỏ thầu trước khi giảm giá và sau khi giảm giá. Tổng số tiền giảm ở các đơn giá, các hạng mục phải bằng tổng số tiền xin giảm.

Trường hợp nhà thầu không ghi rõ hạng mục, đơn giá được giảm thì được tính thành tỷ lệ giảm giá. Tỷ lệ đó được áp dụng giảm đều cho tất cả các đơn giá dự thầu.

I-9. Đơn dự thầu

Xem mẫu số 01

I-10. Giá dự thầu và biểu giá

- Bảng giá dự thầu sau thuế (theo mẫu biểu số 12)
- Biểu phân tích chi tiết đơn giá dự thầu (theo mẫu biểu số 13 và 14)
- Biểu tính giá trị các công trình phụ trợ (theo mẫu biểu số 12)

Nhà thầu phải thuyết minh rõ cơ sở xây dựng giá dự thầu. Giá dự thầu được lập dựa trên cơ sở bản tiên lượng mời thầu, hồ sơ thiết kế được duyệt, biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu và phù hợp thể chế, định mức giá cả hiện hành. Bảng giá dự thầu gồm cột khối lượng mời thầu, đơn giá dự thầu và cột hợp giá. Tổng hợp cột hợp giá chính là giá dự thầu.

a. Bản tiên lượng mời thầu:

Cột khối lượng trong bảng tính giá dự thầu phải ghi đúng khối lượng mời thầu. Bảng tiên lượng mời thầu chỉ bao gồm các khối lượng của công trình chính. Tiên lượng mời thầu phải được hiểu là toàn bộ khối lượng trong hồ sơ thiết kế được duyệt. Ở đây, để đơn giản hóa tính toán khi xét thầu, trong hồ sơ mời thầu chỉ biểu trưng bằng các khối lượng thành phẩm, khối lượng kết cấu chính. Các khối lượng chi tiết khác gắn liền với từng kết cấu sản phẩm chính không nêu trong bảng tiên lượng nhưng đều phải tính toán đầy đủ chi phí đúng theo Hồ sơ thiết kế BVTC được duyệt, đúng quy định trong các quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành. Do vậy yêu cầu nhà thầu phải nghiên cứu kỹ hồ sơ thiết kế được duyệt và khảo sát kỹ hiện trường xây dựng để bóc tách khối lượng cho chính xác. Trong trường hợp phát hiện có những khối lượng nằm trong hồ sơ thiết kế được duyệt nhưng không có trong tiên lượng mời thầu hoặc ngược lại, khối lượng hoặc hạng mục tính thiếu hoặc chưa đáp ứng với địa hình thực tế hiện trường do sai số số học, nhà thầu phải có thông báo bằng văn bản với bên mời thầu để yêu cầu bên mời thầu giải đáp bằng văn bản và được giải quyết như sau:

- Trường hợp sau khi bên mời thầu kiểm tra xác định tiên lượng mời thầu thiếu, thừa thì bên mời thầu sẽ có văn bản sửa đổi bổ sung khối lượng mời thầu. Khi đó nhà thầu phải lập giá dự thầu trên cơ sở tiên lượng mời thầu đã được bổ sung.
- Trường hợp nếu bên mời thầu do chưa đủ điều kiện để xác nhận là tiên lượng mời thầu thiếu thì nhà thầu cần xây dựng đơn giá và lập một bản tính riêng cho những hạng mục, khối lượng tính thiếu trong hồ sơ thiết kế dẫn đến mời thầu thiếu hoặc khối lượng mời thầu chưa đúng hồ sơ thiết kế được duyệt để chủ đầu tư có cơ sở xác định đơn giá và giá trị bổ sung trình cấp có thẩm quyền phê duyệt sau này. Ở cột hợp giá trong bảng tính giá dự thầu ghi bằng 0 để không ảnh hưởng đến giá dự thầu.
- Trường hợp do việc nhà thầu nghiên cứu thiết kế hoặc khảo sát hiện trường không chu đáo nên nhà thầu đã không phát hiện được và không đề xuất đơn giá, không đề xuất khối lượng tính thiếu của hồ sơ thiết kế được duyệt thì sẽ được hiểu rằng trong giá dự thầu của nhà thầu đã bao hàm đầy đủ các khối lượng phải thực hiện theo thiết kế được duyệt và nhà thầu vẫn bắt buộc phải thực hiện những khối lượng đó mà không được thanh toán đối với những khối lượng tính thiếu thuộc loại này. Chỉ được thanh toán đối với các khối lượng phát sinh do thay đổi thiết kế, do những nguyên nhân bất khả kháng hoặc do bổ sung hạng mục mới ... mà không phải do nhà thầu gây ra, sau khi đã được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Lưu ý: Cột khối lượng trong bảng tính giá dự thầu phải ghi đúng khối lượng mời thầu (hạng mục công việc, đơn vị, khối lượng) nếu Nhà thầu vi phạm thì bị trừ điểm và tính sai lệch theo quy định.

b. Đơn giá dự thầu:

- Đơn giá dự thầu tính cho 1 đơn vị khối lượng của tiên lượng mời thầu.
- Đơn giá dự thầu phải được hiểu là đơn giá tổng hợp đầy đủ bao gồm: Chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy và chi phí chung, thuế + lãi.
- Các chi phí xây lắp khác là tất cả chi phí liên quan đến hoạt động xây lắp của nhà thầu như: các công trình phụ, tạm để phục vụ cho việc thi công hạng mục công trình chính, nhà ở công nhân, kho xưởng, điện nước thi công, chuyên quân, chuyển máy, chi phí đảm bảo giao thông, các chi phí bảo vệ môi trường cảnh quan do đơn vị thi công gây ra. Nhà thầu căn cứ vào giải pháp thi công và biện pháp tổ chức thi công của mình để lập chi phí xây lắp khác này và tính thành dự toán riêng sau đó cộng vào bảng tính giá dự thầu.

* Đơn giá tổng hợp (đơn giá dự thầu) này phải được phân tích chi tiết theo mẫu biểu số 13a, 13b và phương pháp cấu thành theo hướng dẫn của Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.

c. Điều kiện về giá dự thầu:

- Giá dự thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện khối lượng công trình chính và các chi phí xây lắp khác.
- Bên mời thầu chỉ mời thầu đối với các khối lượng công trình chính trong hồ sơ thiết kế được duyệt (thể hiện cơ bản trong hồ sơ mời thầu).
- Việc xác định giá dự thầu phải căn cứ vào biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu.
- Giá dự thầu phải được hiểu lấy theo mặt bằng giá và thể chế hiện hành tại thời điểm mở thầu. Trên cơ sở khung giá, thể chế hiện hành của Nhà nước nêu trên, nhà thầu có thể bỏ giá theo khả năng thực có của mình để bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh và bảo tồn vốn của nhà thầu nhằm hạ giá thành công trình một cách hợp lý đảm bảo sự phát triển của nhà thầu.
- Khuyến khích nhà thầu có biện pháp tổ chức thi công, biện pháp bảo vệ môi trường hợp lý để hạ giá thành công trình nhưng không làm ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công trình.
- Để đảm bảo chất lượng công trình, nếu nhà thầu bỏ giá dự thầu sau khi đã giảm giá nhỏ hơn so với giá trị của gói thầu thì nhà thầu phải thuyết minh bằng văn bản về cơ sở giảm giá của từng hạng mục. Nội dung trong thuyết minh bằng văn bản phải đảm bảo cơ sở khoa học và các quy định hiện hành của Nhà nước, không làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng và biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu hồ sơ mời thầu.

Đây là nội dung rất quan trọng, đề nghị nhà thầu lưu ý khi tính toán giá dự thầu.

Các nhà thầu có giá dự thầu thấp, bất hợp lý, nếu văn bản giải trình của nhà thầu không đủ cơ sở tin cậy thì bên mời thầu căn cứ vào mức độ bất hợp lý đó để xem xét tính khả thi của hồ sơ dự thầu theo các quy định hiện hành. Những yếu tố để kiểm tra xem xét mức độ bất hợp lý của những đơn giá dự thầu bao gồm:

- Đơn giá nhân công ứng với cấp bậc công việc theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Thuế xuất giá trị gia tăng VAT và các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
- Không đủ thành phần chi phí công việc tương tự phù hợp với giải pháp công nghệ, biện pháp tổ chức thi công, biện pháp bảo vệ môi trường, tiến độ xây dựng đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu.
- Đơn giá nạo vét, đơn giá vận chuyển đất nạo vét, đơn giá các hạng mục quan trắc môi trường.
- Đơn giá vật liệu đến chân công trình và các định mức hao phí nhiên vật liệu, nhân công, máy móc thiết bị trong các chi tiết cấu thành giá dự thầu so với thông báo giá vật liệu của cơ quan có thẩm quyền và các định mức hiện hành của Nhà nước.
- Các tỉ lệ chi phí chung và chi phí khác so với quy định của Nhà nước.
- Tỷ lệ hoặc cơ cấu giá dự thầu của các phần có chênh lệch lớn so với giá trị dự toán được duyệt.

Nếu mức độ bất hợp lý quá lớn, thiếu khả thi thì hồ sơ dự thầu đó bị loại bỏ.

Trong HSDT nhà thầu bắt buộc phải có phân tích chi tiết cấu thành đơn giá dự thầu của mình để có cơ sở đánh giá xét thầu hợp lý, khách quan.

Lưu ý:

- + Các phép tính số học phải được soát kỹ, không sai số, những sai số về phép tính số học, sai lệch về khối lượng mời thầu và những sai lệch khác như giữa đơn giá chi tiết và hợp giá, giữa số liệu bằng số và số liệu bằng viết chữ sẽ bị trừ điểm và tổ chấm thầu sẽ tiến hành tính toán sửa lại cho đúng trước khi cho điểm xếp hạng các hồ sơ dự thầu.
- + Các sai lệch nêu trên đều phải được thông báo bằng văn bản tới nhà thầu và lập thành biên bản giữa bên mời thầu và nhà thầu có sai phạm. Nếu nhà thầu không chấp nhận thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó sẽ bị loại.
- + Hồ sơ dự thầu có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu hoặc có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại bỏ.

I-11. Đồng tiền dự thầu:

Đồng tiền ghi trong hồ sơ dự thầu là Việt nam đồng

I-12. Tư liệu chứng minh tư cách hợp lệ, kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu

a. Yêu cầu về năng lực kỹ thuật

Có đủ năng lực và trình độ chuyên môn (về kinh nghiệm, về trang thiết bị máy móc, công nghệ, cán bộ kỹ thuật và công nhân...) để đảm bảo thi công công trình. Trường hợp công trình có những hạng mục không đúng ngành nghề và công việc trong đăng ký kinh doanh hoặc nhà thầu không đủ lực lượng cán bộ kỹ thuật, công nhân có kinh nghiệm thi công thì nhà thầu có thể liên danh hoặc mời thêm nhà thầu phụ.

1. Trường hợp có nhà thầu phụ:

Nhà thầu chính phải giới thiệu và chịu trách nhiệm về các nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ cũng phải có đủ tư cách pháp nhân và năng lực tương ứng với phần công việc mình sẽ đảm nhận. Giá trị các công việc của thầu phụ không được vượt quá 40% giá trị của gói thầu và phải có thoả thuận nội dung công việc cụ thể giữa nhà thầu chính cho từng nhà thầu phụ (các nội dung trên phải được thể hiện bằng văn bản đóng kèm HSDT).

2. Trong trường hợp liên danh để dự thầu:

Tất cả các nhà thầu tham gia liên danh phải có đủ tư cách pháp nhân, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của gói thầu và phần công việc được đảm trách thể hiện trong thoả thuận Liên danh hoặc hợp đồng liên danh có sự chứng thực của công chứng Nhà nước hoặc của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của Chủ đầu tư. Đơn dự thầu và hồ sơ dự thầu phải do đại diện hợp pháp của liên danh ký. Con dấu sử dụng cho hồ sơ dự thầu phải là con dấu của nhà thầu đứng đầu liên danh. Người đại diện hợp pháp của liên danh là người được tất cả những người đứng đầu hợp pháp các nhà thầu thành viên trong liên danh ủy quyền làm đại diện cho liên danh ký đơn và HSDT.

Mỗi Liên danh không được có quá 3 thành viên.

Nhà thầu đứng đầu liên danh phải là nhà thầu Việt Nam, thực sự có năng lực xây lắp, năng lực điều hành thi công xây lắp gói thầu và được đảm nhận phần khối lượng công việc ứng với giá trị ít nhất theo quy định sau:

- Lớn hơn hoặc bằng 60% giá trị hợp đồng đối với liên danh 2 thành viên
- Lớn hơn hoặc bằng 40% giá trị hợp đồng đối với liên danh 3 thành viên

- Các thành viên khác thực hiện không thấp hơn 25% giá trị hợp đồng

Trong HSDT phải có bản cam kết giữa các thành viên của liên danh (thỏa thuận của liên danh, hợp đồng liên danh của các thành viên trong liên danh). Thỏa thuận liên danh phải quy định rõ nhà thầu đứng đầu liên danh, người đại diện cho liên danh ký đơn và HSDT, việc sử dụng con dấu của liên danh, tỷ lệ đóng góp trong liên danh, phân chia khối lượng công việc, phân rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng thành viên trong liên danh. liên danh không được thay đổi tỷ lệ công việc được phân công của mỗi thành viên quy định trong hợp đồng liên danh trừ khi có sự chấp thuận của chủ đầu tư.

Tất cả các thành viên trong liên danh phải cùng nhau chịu trách nhiệm chung về tất cả các nghĩa vụ phải đảm đương trong quá trình thực hiện hợp đồng, kể cả những công việc được bổ sung. Nhà thầu đứng đầu liên danh chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về mọi công việc, mọi giao dịch có liên quan đến việc thực hiện gói thầu. Người đứng đầu liên danh có quyền điều động phương tiện, thiết bị, nhân lực, tiền vốn (kể cả vốn ứng trước) trong liên danh để đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện gói thầu.

b. Yêu cầu về năng lực tài chính

Nhà thầu phải có **doanh thu xây lắp bình quân trước thuế trong 03 năm liền kề (2003, 2004, 2005) lớn hơn hoặc bằng 2 lần giá trị gói thầu**; Sản xuất kinh doanh có tổng lợi nhuận sau thuế trong 3 năm liền kề không nhỏ hơn không (lợi nhuận sau thuế hàng năm >0). Đối với nhà thầu liên danh thì doanh thu trung bình 3 năm liền kề được tính bằng tổng doanh thu của các bên tham gia trong đó nhà thầu đứng đầu liên danh phải có doanh thu trung bình trong 3 năm liền kề > 60% giá trị doanh thu nêu trên.

Số liệu tài chính phải thể hiện đầy đủ nội dung theo mẫu hướng dẫn trong HSMT, trường hợp nhà thầu không thể hiện đầy đủ các số liệu hoặc không có xác nhận của cấp có thẩm quyền: cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan quản lý tài chính có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý cấp trên thì HSDT sẽ bị loại; nhà thầu phải có khả năng tự huy động vốn để ứng vốn trước cho việc thi công công trình theo tiến độ qui định. Khả năng ứng vốn phải thể hiện bằng các số liệu về tài chính của đơn vị mình kèm theo bản cam kết đảm bảo cung cấp tài chính của Nhà thầu và bằng cam kết đảm bảo cung cấp tài chính của Ngân hàng hoặc tổ chức tài chính hợp pháp để nhà thầu thực hiện hoàn thành gói thầu.

c. Yêu cầu về kinh nghiệm

1. Yêu cầu về nghiên cứu hồ sơ mời thầu và khảo sát hiện trường:

Nhà thầu cần nghiên cứu kỹ hồ sơ mời thầu, đặc biệt đối với Hồ sơ thiết kế BVTC được duyệt và khảo sát hiện trường để xem xét địa hình, địa chất gói thầu và khu vực xung quanh như nơi đổ đất, xác định mặt bằng thi công, làm lán trại và các điều kiện khác để có thông tin cần thiết giúp cho việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu của mình chính xác và phù hợp với thực tế, hạn chế những sai sót cho mình, phát hiện và đề xuất những biện pháp thi công đạt tiến độ, chất lượng cao.

Trong trường hợp khi nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hiện trường thấy có những vấn đề chưa rõ trong hồ sơ mời thầu, những sự sai khác giữa Hồ sơ thiết kế BVTC với hồ sơ mời thầu hoặc thực tế hiện trường, những sai khác về khối lượng trên thực tế so với tiên lượng mời thầu, nhà thầu cần trao đổi ngay bằng văn bản, Fax hoặc điện tín với bên mời thầu để bên mời thầu nghiên cứu giải đáp kịp thời bằng văn bản, Fax hoặc điện tín cho tất cả các nhà thầu dự thầu biết. Nội dung trả lời bao gồm cả nội dung câu hỏi nhưng không nêu tên nhà thầu đã đặt câu hỏi.

Nhà thầu phải thông báo với bên mời thầu bằng văn bản hoặc Fax là đã nhận được văn bản giải đáp của bên mời thầu, văn bản xác nhận gốc và văn bản giải đáp của bên mời thầu phải được đóng vào hồ sơ dự thầu.

Thời gian giải đáp các câu hỏi của nhà thầu phải hoàn thành trước thời điểm đóng thầu ít nhất là 03 ngày. Do vậy những vấn đề cần làm rõ phải được gửi đến bên mời thầu vào trước thời hạn nêu trên để bên mời thầu có đủ thời gian nghiên cứu và giải đáp.

Bên mời thầu mong muốn nhận được đơn dự thầu kèm theo hồ sơ dự thầu với những nội dung phong phú, những đề xuất biện pháp tổ chức thi công công trình đạt chất lượng cao, biện pháp bảo vệ môi trường, tiến độ thi công nhanh trên cơ sở luận cứ khoa học và phù hợp với thực tế.

2. Yêu cầu về kinh nghiệm thi công:

2.1- Yêu cầu nhà thầu phải có ít nhất 5 năm tham gia hoạt động chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của gói thầu; đã thực hiện và hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng tương tự về kỹ thuật của gói thầu tại Việt Nam và có giá trị hợp đồng không nhỏ hơn giá trị gói thầu hoặc có 2 đến 3 hợp đồng xây lắp các công trình có quy mô kỹ thuật tương tự (nạo vét luồng tàu và công trình biển...) với tổng giá trị thực hiện lớn hơn giá trị gói thầu, đảm bảo chất lượng và tiến độ xây dựng công trình.

Trường hợp nhà thầu là liên danh các doanh nghiệp xây dựng tham dự đấu thầu thì yêu cầu đơn vị đứng đầu liên danh phải thực hiện và hoàn thành ít nhất một hợp đồng tương tự về kỹ thuật tại Việt Nam có giá trị không thấp hơn 60% giá trị gói thầu và hợp đồng đó phải được chủ đầu tư của dự án xác nhận bằng văn bản là đã hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ và có tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện hợp đồng (có bản thanh lý hợp đồng hoặc biên bản bàn giao công trình)

Công trình đã thi công phải có bản phô tô biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; Công trình đang thực hiện phải có bản phô tô copy hợp đồng giữa Chủ đầu tư với Nhà thầu.

2.2- Giám đốc điều hành công trình phải có trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành, có ít nhất 5 năm kinh nghiệm phụ trách kỹ thuật thi công các công trình và đã thi công 01 công trình trong vòng 5 năm gần đây có tính chất kỹ thuật tương tự gói thầu.

2.3- Cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công phải có trình độ đại học trở lên đúng chuyên ngành xây dựng phù hợp với chuyên môn kỹ thuật đảm nhận, có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thi công các công trình và đã phụ trách kỹ thuật thi công 1 công trình có tính chất kỹ thuật tương tự gói thầu.

2.4- Công nhân trực tiếp thi công: Lực lượng công nhân trực tiếp thi công phải có đầy đủ về số lượng theo tiến độ thi công và có trình độ tay nghề phù hợp với công việc thực hiện, trong đó số công nhân có tay nghề từ bậc 4/7 trở lên phải chiếm ít nhất 35%.

Nhà thầu phải đăng ký rõ họ tên, tuổi, trình độ chuyên môn của cán bộ chỉ huy trưởng thi công; cán bộ kỹ thuật chỉ đạo thi công, giám sát chất lượng từng hạng mục công trình thuộc gói thầu trong hồ sơ dự thầu và phải có bản sao công chứng các văn bằng tốt nghiệp đính kèm. Trường hợp trong HSDT không đáp ứng yêu cầu này, bên mời thầu xem như Nhà thầu không đạt yêu cầu về năng lực cán bộ và HSDT sẽ bị trừ điểm.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các số liệu khai báo trong hồ sơ dự thầu, trong quá trình thi công bên mời thầu có thể kiểm tra đột xuất về các chứng chỉ của cán bộ kỹ thuật và công nhân thi công gói thầu. Nếu nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu của bên mời thầu thì bên mời thầu có quyền đình chỉ thi công và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế số cán bộ, công nhân khác đáp ứng yêu cầu như hồ sơ mời thầu.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu không thực hiện đúng các nội dung như đã đăng ký trong HSDT, bên mời thầu có quyền đình chỉ thi công công trình và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện đúng như đã đăng ký. Nếu nhà thầu vẫn không thực hiện, bên mời thầu báo cáo cấp có thẩm quyền để hủy bỏ hợp đồng.

I-13. Bảo lãnh dự thầu

- Giấy bảo lãnh dự thầu (theo mẫu số 3). Các nhà thầu phải nộp như là một bộ phận của hồ sơ dự thầu:
- Giá trị bảo lãnh dự thầu là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn) bằng tiền mặt, séc bảo chi hoặc giấy bảo lãnh ngân hàng.
- Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh dự thầu có giá trị kể từ ngày nộp hồ sơ dự thầu đến sau 30 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của hồ sơ dự thầu.
- Trong trường hợp nhà thầu không nộp bảo lãnh dự thầu như đã quy định thì hồ sơ dự thầu đó sẽ bị loại.
- Chủ đầu tư sẽ trả lại tiền bảo lãnh cho nhà thầu không trúng thầu (chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu thầu).
- Đối với các nhà thầu trúng thầu chủ đầu tư sẽ trả lại bảo lãnh dự thầu khi nhà thầu có bảo lãnh thực hiện hợp đồng và ký kết hợp đồng xây lắp.
- Nhà thầu không được nhận lại bảo lãnh dự thầu trong các trường hợp sau:
 - + Trúng thầu nhưng từ chối thực hiện hợp đồng hoặc không nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng đúng thời hạn quy định;
 - + Rút hồ sơ dự thầu sau khi đóng thầu;

Trong trường hợp nhà thầu không nộp bảo lãnh dự thầu như đã quy định thì hồ sơ dự thầu đó sẽ bị loại.

I-14. Thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu

Thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu là 180 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

I-15. Quy cách của hồ sơ dự thầu và chữ ký trong hồ sơ dự thầu

"Hồ sơ dự thầu" là các tài liệu do nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- Yêu cầu chung : Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ hồ sơ mời thầu và làm hồ sơ dự thầu theo đúng hướng dẫn của hồ sơ mời thầu nhất là các biểu mẫu kèm theo.
- Hồ sơ dự thầu được lập theo khổ giấy A4 và A3.
- Hồ sơ dự thầu được lập thành 05 bản: gồm 01 bản gốc, 04 bản sao (cùng một nội dung), ngoài bìa mỗi bản ghi rõ “ Bản gốc” hoặc “Bản sao”
- Nhà thầu phải gửi (kèm hồ sơ dự thầu) đĩa mềm bảng tính dự toán dự thầu theo những quy định sau :
 - + Nội dung đĩa : Đầy đủ các file tính toán đơn giá dự thầu của nhà thầu, nội dung các giá phải bao gồm đầy đủ các bảng tính như trong hồ sơ dự thầu.
 - + Phần mềm sử dụng để tính toán đơn giá : Microsoft Excel
 - + Đĩa phải để trong phong bì và được bảo quản để không bị hư hỏng, ngoài mặt đĩa có ghi chú các file

I-16. Niêm phong và ghi tên trên túi đựng hồ sơ dự thầu

Hồ sơ dự thầu đựng trong phong bì có dấu niêm phong. Tất cả các trang của hồ sơ dự thầu đều phải được đánh số thứ tự và tại góc phải phía trên của mỗi trang phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (trừ những trang đã có chữ ký và dấu của nhà thầu). Trường hợp mở thầu phát hiện thiếu thì phải ký bổ sung ngay. Toàn bộ hồ sơ được niêm phong kín bằng dấu hoặc bằng xi. Ngoài bìa hồ sơ được ghi theo mẫu nêu tại phần "Các mẫu biểu lập hồ sơ dự thầu" (Mẫu số 15).

I-17. Thời hạn nộp hồ sơ dự thầu

Nhà thầu phải nộp hồ sơ dự thầu trước giờ đóng thầu đã được quy định trong thông báo mời thầu.

I-18. Hồ sơ dự thầu nộp muộn

Hồ sơ dự thầu gửi tới sau thời hạn đóng thầu đã quy định ở trên được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại nhà thầu theo nguyên trạng.

I-19. Sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu

Nhà thầu có thể sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp với điều kiện phải thông báo trước bằng văn bản (công văn hoặc điện tín hoặc Fax) cho chủ đầu tư biết và chủ đầu tư phải nhận được nội dung sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu vào trước thời điểm đóng thầu đã được quy định. Văn bản này sẽ được tổ tư vấn mở cùng hồ sơ dự thầu và được coi là một phần của hồ sơ dự thầu.

Nếu nhà thầu rút lại hồ sơ dự thầu trong thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu thì bảo lãnh dự thầu của nhà thầu không được hoàn lại theo quy định

I-20. Mở thầu

1. Tiếp nhận hồ sơ dự thầu:

Các hồ sơ dự thầu vi phạm một trong những điểm sau đây sẽ không được tiếp nhận và bên mời thầu có trách nhiệm lập biên bản và trả lại cho nhà thầu ở trạng thái nguyên trạng trước khi mở thầu:

- Tên nhà thầu không có hoặc không đúng tên trong danh sách đăng ký mua hồ sơ mời thầu;
- Nhà thầu có tên trong hai hồ sơ dự thầu với tư cách là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh;
- Hồ sơ nộp sau thời điểm đóng thầu;
- Hồ sơ không được dán kín hoặc không có niêm phong (bằng xi hoặc bằng dấu).

Những hồ sơ dự thầu không hợp lệ theo quy định sẽ bị loại, không xét.

2. Thủ tục mở thầu:

Những hồ sơ dự thầu nộp đúng hạn sẽ được bên mời thầu tiếp nhận và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ mật.

Việc mở thầu được tiến hành công khai theo ngày, giờ và địa điểm ghi trong hồ sơ mời thầu.

Bên mời thầu sẽ kiểm tra sơ bộ từng hồ sơ và lập biên bản mở thầu xác định sự hợp lệ ban đầu của từng hồ sơ theo quy định về "Yêu cầu của hồ sơ dự thầu" nêu trên đồng thời thông báo và ghi một số thông tin chính yếu sau: Tên nhà thầu, số lượng bản chính và bản sao, bảo lãnh dự thầu, giá bỏ thầu ban đầu, tỷ lệ hoặc chi phí giảm giá (nếu có), giá bỏ thầu cuối cùng (sau giảm giá), thời gian hoàn thành công trình, các văn bản bổ sung hoặc sửa đổi khác (nếu có).

Bản gốc hồ sơ dự thầu sau khi mở phải được bên mời thầu ký xác nhận từng trang để đảm bảo nguyên trạng trước khi tiến hành đánh giá và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

I-21. Làm rõ hồ sơ dự thầu

Trong quá trình đánh giá và so sánh các hồ sơ dự thầu, bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu làm sáng tỏ một số vấn đề dưới hình thức trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp nhưng phải đảm bảo tính công khai bình đẳng và không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu và giá bỏ thầu. Những đề nghị làm sáng tỏ của bên mời thầu cũng như ý kiến trả lời của nhà thầu đều phải thực hiện bằng văn bản. Những giải đáp của nhà thầu dẫn đến sự thay đổi về giá bỏ thầu đã đề xuất sẽ không được xem xét. Bên mời thầu phải lưu trữ những tài liệu đề nghị làm sáng tỏ và giải đáp liên quan.

Kiểm tra sai số số học và các sai lệch:

- Trường hợp giữa đơn giá và hợp giá có sự sai khác thì đơn giá là cơ sở để tính giá dự thầu.
- Trường hợp đơn giá và hợp giá có sự sai khác so với đơn giá được tính toán trong bảng phân tích chi tiết đơn giá thì đơn giá trong bảng phân tích chi tiết đơn giá sẽ là cơ sở để tính giá dự thầu.
- Trường hợp giữa chữ số và chữ viết có sự sai khác thì chữ viết là cơ sở.
- Trường hợp có sự sai lệch giữa nội dung chào thầu về kỹ thuật và tài chính thì nội dung chào thầu về kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý.

I-22. Đánh giá sơ bộ hồ sơ dự thầu

- Kiểm tra xem xét tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu;
- Kiểm tra xem xét sự đáp ứng cơ bản của hồ sơ dự thầu đối với các yêu cầu hồ sơ mời thầu.
- Loại bỏ các hồ sơ dự thầu không hợp lệ, không đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Các hồ sơ dự thầu hợp lệ, đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu sẽ được đưa vào đánh giá chi tiết.

I-23. Đánh giá về mặt kỹ thuật

Bước 1:

Đánh giá về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu theo các tiêu chí “đạt”, “không đạt” với 3 nội dung của tiêu chuẩn. nhà thầu nào phải đạt cả 3 nội dung tiêu chuẩn đề ra mới được xem là có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia dự thầu.

Bước 2:

Đánh giá về mặt kỹ thuật chất lượng bằng phương pháp chấm điểm trên cơ sở bảng khung điểm tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu để chọn danh sách ngắn.

Bước 3:

Đánh giá về mặt tài chính và để xác định giá đánh giá đối với các hồ sơ dự thầu được chọn vào danh sách ngắn.

Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu làm rõ về những đơn giá bất hợp lý và nếu văn bản giải trình của nhà thầu không đủ rõ, thì được coi là sai lệch để đưa vào giá đánh giá của nhà thầu đó.

Xếp hạng các nhà thầu theo giá đánh giá và kiến nghị nhà thầu trúng thầu.

Trong bước đánh giá hồ sơ dự thầu, nếu vấn đề gì chưa rõ, chưa đủ chứng cứ xét tiếp bước sau cần phải mời nhà thầu làm sáng tỏ (có biên bản kèm theo) nhưng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu.

Hồ sơ dự thầu sẽ bị loại: Khi vi phạm một trong những điểm sau đây:

- Nhà thầu có tên trong hai đơn dự thầu dù là độc lập hay liên danh.
- Hồ sơ dự thầu không có đủ số bản đã quy định trong hồ sơ mời thầu (01 bản gốc và 04 bản sao).
- Không có giấy phép kinh doanh.
- Hồ sơ nộp sau thời điểm hết hạn nộp thầu quy định trong thông báo mời thầu.
- Hồ sơ dự thầu không được dán kín hoặc không được niêm phong bằng xi hoặc bằng dấu.
- Hồ sơ dự thầu mang tên nhà thầu không đúng tên hoặc không có trong danh sách nhà thầu mua hồ sơ mời thầu.
- Hồ sơ dự thầu không có chữ ký đại diện hợp pháp của nhà thầu.
- Hồ sơ dự thầu có giá dự thầu không cố định như chào theo 2 mức giá, giá có điều kiện kèm theo.
- Hồ sơ dự thầu có sai số số học và bị bên mời thầu phát hiện nhưng không chấp thuận, hoặc có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu hoặc có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu.
- Hồ sơ dự thầu thiếu một trong những văn kiện sau:
 - + Đơn dự thầu (hoặc có nhưng không hợp lệ).
 - + Bảo lãnh dự thầu (hoặc có nhưng không đủ số lượng và thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu)
 - + Giấy phép kinh doanh (hoặc có nhưng không có công chứng hoặc xác nhận của cấp có thẩm quyền).
 - + Số liệu tài chính (hoặc có số liệu tài chính nhưng không có xác nhận của cơ quan kiểm toán hoặc cơ quan quản lý tài chính có thẩm quyền hoặc cơ qua quản lý cấp trên).
 - + Cam kết của ngân hàng về cung cấp vốn của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện hoàn thành công trình (hoặc có cam kết nhưng nội dung cam kết không đạt yêu cầu của hồ sơ mời thầu) và giấy cam kết không tính lãi suất khi nguồn cung cấp vốn bị chậm.
 - + Tài liệu giới thiệu năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu kể cả nhà thầu phụ (nếu có).
 - + Danh sách phương tiện thiết bị dự kiến đưa vào thực hiện gói thầu
 - + Danh sách bố trí cán bộ, công nhân kỹ thuật quản lý và thi công gói thầu.
 - + Giải pháp kỹ thuật thi công và biện pháp tổ chức thi công.
 - + Tiến độ thi công.
 - + Bản tính giá dự thầu.
 - + Bản phân tích chi tiết đơn giá.
 - + Các yêu cầu của " bản phụ lục một số điều kiện của hợp đồng chính"

- Hồ sơ dự thầu đưa ra những điều kiện trái với những quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, về đấu thầu của pháp luật hiện hành.
- Trong thời gian xem xét, đánh giá hồ sơ dự thầu, nếu phát hiện nhà thầu có biểu hiện vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp tài sản, tranh chấp tài chính, thì hồ sơ dự thầu không được xem xét.

I-24. Xác định giá đánh giá

Việc xác định giá đánh giá là xác định chi phí trên cùng một mặt bằng về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác nhằm so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Phương pháp xác định giá đánh giá phải được nêu trong tiêu chuẩn đánh giá. Việc xác định giá đánh giá thực hiện theo trình tự sau đây:

- Xác định giá dự thầu;
- Sửa lỗi;
- Hiệu chỉnh các sai lệch;

Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được gọi là giá đề nghị trúng thầu.

- Chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu sang một đồng tiền chung (nếu có) để làm căn cứ xác định giá đánh giá;
- Đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá, bao gồm:
 - + Các điều kiện về mặt kỹ thuật như: tiến độ thực hiện; chi phí quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, tuổi thọ công trình và các yếu tố kỹ thuật khác tùy theo từng gói thầu cụ thể;
 - + Điều kiện tài chính, thương mại;
 - + Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế (nếu có);
 - + Các yếu tố khác.

Tùy theo tính chất của từng gói thầu mà quy định các yếu tố để xác định giá đánh giá cho phù hợp. Hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

I-25. Sửa lỗi

Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học, lỗi khác, lỗi nhầm đơn vị và được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;
- Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

b) Đối với các lỗi khác:

- Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng;
- Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá;
- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó.

Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.

Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó sẽ bị loại.

I-26. Hiệu chỉnh các sai lệch

Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong hồ sơ dự thầu so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu cũng như điều chỉnh những khác biệt giữa các phần của hồ sơ dự thầu; giữa đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính; giữa con số và chữ viết; giữa nội dung trong đơn dự thầu và các phần khác của hồ sơ dự thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật. Trong trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có) hoặc của các hồ sơ dự thầu hoặc trong dự toán, tổng dự toán hoặc trong giá gói thầu được duyệt theo nguyên tắc lấy mức giá cao nhất (đối với chào thiếu) hoặc thấp nhất (đối với chào thừa) để áp dụng cho các nội dung nêu trên;

b) Trường hợp có sai lệch giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

c) Trường hợp không nhất quán giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

d) Trường hợp có sự sai khác giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì được coi đây là sai lệch và việc hiệu chỉnh sai lệch này được căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

I-27. Chuyển đổi sang một đồng tiền chung

Khi Nhà thầu hoặc liên danh Nhà thầu sử dụng ngoại tệ thì phải được quy đổi sang đồng tiền Việt Nam

I-28. Mặt bằng để so sánh hồ sơ dự thầu

- Đánh giá về mặt kỹ thuật để xác định các hồ sơ thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- Việc xác định chi phí phải trên cùng một mặt bằng kỹ thuật, tài chính, thương mại để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu.

Đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá bao gồm:

- + Các điều kiện về mặt kỹ thuật như: tiến độ thực hiện, chi phí quản lý, biện pháp thi công nạo vét, đảm bảo giao thông và bảo vệ môi trường;
- + Điều kiện về tài chính, thương mại;

I-29. Tiếp xúc với Bên mời thầu

- Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu khi có yêu cầu của bên mời thầu. Việc xác định rõ hồ sơ dự thầu được thực hiện dưới hình thức trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp, nhưng phải bảo đảm không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải được thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu
- Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ.

I-30. Điều kiện được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu đạt các điều kiện sau đây sẽ là nhà thầu được xếp thứ nhất và là Nhà thầu trúng thầu:

- Có Hồ sơ dự thầu hợp lệ
- Được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm
- Có đề xuất về mặt kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo hệ thống điểm.
- Có giá đánh giá hợp lý và giá đánh giá thấp nhất trên cùng một mặt bằng
- Giá đề nghị trúng thầu không vượt quá giá gói thầu được duyệt.

Bên mời thầu sẽ mời Nhà thầu trúng thầu đến thương thảo hoàn thiện Hợp đồng, nếu không thành công Bên mời thầu sẽ mời nhà thầu xếp hạng kế tiếp để thương thảo Hợp đồng trên cơ sở được cấp có thẩm quyền chấp thuận

I-31. Quyền của Bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các hồ sơ dự thầu

Xem mục 4 gồm các điều 43 đến 45 của Luật đấu thầu

I-32. Công bố kết quả đấu thầu

Việc thông báo kết quả đấu thầu thực hiện ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu của người có thẩm quyền

Trong thông báo kết quả đấu thầu không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu

I-33. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

- Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu phải dựa trên cơ sở sau đây:
 - + Kết quả đấu thầu được duyệt;
 - + Mẫu hợp đồng đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu;
 - + Các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu;
 - + Các nội dung nêu trong hồ sơ dự thầu và giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
 - + Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu.

- Kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng là cơ sở để chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng.

- Trường hợp việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng không thành thì chủ đầu tư phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét việc lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo. Trường hợp các nhà thầu xếp hạng tiếp theo cũng không đáp ứng yêu cầu thì báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

I-34. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Nhà thầu trúng thầu phải nộp Giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng (theo mẫu số 16) trước khi thực hiện hợp đồng
- Giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: 10% giá trị hợp đồng bằng tiền mặt, séc bảo chi hoặc giấy bảo lãnh ngân hàng.
- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng phải kéo dài cho đến khi chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành (nếu có)
- Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực

I.35. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu, chỉ dẫn địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị

Theo điều 72 và điều 73 về “Quy trình giải quyết kiến nghị trong đấu thầu” của Luật đấu thầu

I-36. Xử lý các vi phạm trong đấu thầu

Theo điều 75 Luật đấu thầu

- 1) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu bị xử lý theo một hoặc các tình huống dưới đây:
 - Cảnh cáo được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật đấu thầu ngoài các trường hợp quy định tại điều 12 Luật đấu thầu
 - Phạt tiền được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Luật đấu thầu gây hậu quả làm thiệt hại đến lợi ích của các bên có liên quan
 - Cấm tham gia hoạt động đấu thầu được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân vi phạm tại điều 12 Luật đấu thầu
- 2) Cá nhân vi phạm Luật đấu thầu sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về hình sự nếu hành vi đó cấu thành tội phạm
- 3) Tổ chức, cá nhân vi phạm Luật đấu thầu, ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 75 Luật đấu thầu còn bị đăng tải trên báo về đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu

II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Nạo vét khu nước trước cảng nhập	m ³	17.660	
2	Nạo vét khu nước trước bến xuất	m ³	78.882	
3	Vận chuyển đổ đất cự ly 12Km	m ³	96.482	
4	Phun lên bãi cự ly 500m	m ³	96.482	

III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn đánh giá

a. Trước khi mở thầu

Các hồ sơ dự thầu vi phạm một trong những điểm sau đây sẽ không được tiếp nhận và bên mời thầu có trách nhiệm lập biên bản và trả lại cho Nhà thầu ở trạng thái nguyên trạng trước khi mở thầu:

- Tên Nhà thầu không có hoặc không đúng tên trong danh sách mua Hồ sơ mời thầu;
- Nhà thầu có tên trong hai hồ sơ dự thầu với tư cách là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh;
- Hồ sơ nộp sau thời điểm đóng thầu;
- Hồ sơ không được dán kín hoặc không có niêm phong (bằng xi hoặc bằng dấu).

Những hồ sơ dự thầu không hợp lệ theo quy định sẽ bị loại, không xét.

b. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu phải được thể hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật; hoặc các nội dung để xác định chi phí trên cùng một mặt bằng về kỹ thuật, tài chính, thương mại để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu.

- Sử dụng phương pháp chấm điểm để đánh giá về mặt kỹ thuật. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật là thang điểm, phải xác định mức yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật nhưng bảo đảm không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về mặt kỹ thuật. Đối với các hồ sơ dự thầu đã vượt qua đánh giá về mặt kỹ thuật thì căn cứ vào chi phí trên cùng một mặt bằng về kỹ thuật, tài chính, thương mại để so sánh, xếp hạng. Hồ sơ dự thầu của nhà thầu có chi phí thấp nhất trên cùng một mặt bằng được xếp thứ nhất.

Trình tự đánh giá: việc đánh giá các hồ sơ dự thầu được thực hiện theo trình tự sau:

Đánh giá sơ bộ: xem mục I-22

Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu: xem mục I-23

c. Nguyên tắc đánh giá và cho điểm

▪ Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu theo điều 28 luật đấu thầu.

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp và các tài liệu giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

- Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải tuân theo trình tự quy định tại Điều 35 của Luật đấu thầu cụ thể như sau:

+ Đánh giá sơ bộ hồ sơ dự thầu để loại bỏ các hồ sơ dự thầu không hợp lệ, không bảo đảm yêu cầu quan trọng của hồ sơ mời thầu.

+ Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu được thực hiện theo quy định sau đây:

Đánh giá về mặt kỹ thuật để xác định các hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

Xác định chi phí trên cùng một mặt bằng về kỹ thuật, tài chính, thương mại để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu.

- Về mặt kỹ thuật chất lượng được đánh giá theo tiêu chuẩn điểm và thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Căn cứ vào tài liệu hợp lệ của Hồ sơ dự thầu và tiêu chuẩn khung điểm được duyệt để đánh giá và cho điểm.
 - Nếu tiêu chí nào mà hồ sơ dự thầu không có mà có hoặc không hợp lệ sẽ không được cho điểm (hoặc điểm đánh giá bằng 0)
 - Các tiêu chí được đánh giá ở mức độ xếp loại như sau (từng chuyên gia phải thể hiện cụ thể xếp loại kèm theo nhận xét khi cho điểm):
 - + Tốt: số điểm đạt từ $\geq 80\%$ đến 100% số điểm tối đa.
 - + Khá: số điểm đạt từ $\geq 70\%$ đến $< 80\%$ số điểm tối đa.
 - + Trung bình khá: số điểm đạt từ $\geq 60\%$ đến $< 70\%$ số điểm tối đa.
 - + Trung bình: số điểm đạt từ 50% đến 60% số điểm tối đa.
 - + Không đạt: số điểm đạt từ 0% đến $< 50\%$ số điểm tối đa.

Điểm đánh giá là số điểm trung bình của các điểm do các chuyên gia trong tổ chuyên gia chấm. Trường hợp trong cùng một tiêu chí đánh giá mà các thành viên trong Tổ chuyên gia chấm quá chênh lệch nhau thì phải xem xét tập thể sao cho thật chính xác và hợp lý. Nếu không thống nhất được, phải có văn bản báo cáo về việc chênh lệch điểm trên.

d. Các tiêu chuẩn và khung điểm đánh giá về kỹ thuật chất lượng

Đánh giá sơ bộ:

Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu (chỉ đánh giá “đạt” hoặc “không đạt”) theo các nội dung sau:

Bước 1: Đánh giá về sự đầy đủ và tính hợp lệ

Kiểm tra về sự đầy đủ và tính hợp lệ trong quá trình đánh giá theo các quy định, phạm vi trong bảng sau:

Bảng 1: Đánh giá về sự đầy đủ và tính hợp lệ

TT	Nội dung xem xét	Phạm quy bị loại bỏ	Lỗi	Nhận xét	Đánh giá
1	Hồ sơ dự thầu gồm 1 bản gốc và các bản sao (04 bản)	Không có bản gốc			
2	Hợp đồng hoặc thỏa thuận liên danh (nếu là liên danh)	Không có hoặc không hợp lệ			
3	Đơn dự thầu được điền đầy đủ và có chữ ký hợp lệ (của người đứng đầu nhà thầu ký hoặc của cấp phó nhưng kèm theo giấy ủy quyền đơn thầu)	Không có hoặc không hợp lệ	Ký thiếu một vài trang		
4	Bảo lãnh dự thầu	Không có hoặc có nhưng không đủ giá trị			

		hoặc thời hạn hiệu lực			
5	Quyết định thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng	Không có hoặc không đáp ứng yêu cầu HSMT			
6	Số liệu tài chính có kiểm toán hoặc cơ quan tài chính có thẩm quyền hoặc cơ quan quản lý cấp trên xác nhận	Không có hoặc không hợp lệ			
7	Tổng giá trị các công việc nhà thầu phụ ≤ 40% tổng giá trị gói thầu (nếu có)	> 40%			
8	Biểu tính giá dự thầu	Không có			
9	Biểu phân tích đơn giá chi tiết	Không có			
10	Lịch trình tiến độ thi công	Không có			
11	Thuyết minh biện pháp thi công	Không có			
12	Danh sách thiết bị thi công gói thầu	Không có			
13	Bản khai bố trí nhân sự cho gói thầu	Không có			
14	Đề xuất những yêu cầu hạn chế đến quyền lợi của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của Nhà thầu đã yêu cầu trong hồ sơ mời thầu hoặc trái với quy định hiện hành	Có			
	Đánh giá chung				

Hồ sơ dự thầu sẽ bị loại nếu vi phạm một trong những tiêu chuẩn nêu ở bảng 1 trên.

Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu:

Tiêu chuẩn này không chấm điểm mà chỉ xem xét trên 2 tiêu thức “đạt” hoặc “không đạt” đối với 3 nội dung sau đây. Nhà thầu đạt cả 3 nội dung được xem là đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu:

Bảng 2: Đánh giá về kinh nghiệm và năng lực

TT	Nội dung	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
1	Kinh nghiệm thực hiện các dự án có yêu cầu kỹ thuật ở vùng địa lý và hiện trường tương tự: đạt yêu cầu khi: - Số năm kinh nghiệm trong xây dựng các công trình tương tự từ 05 năm trở lên		

	- Hợp đồng do nhà thầu thực hiện trong vòng 3 năm gần đây: Đã thực hiện và hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng có yêu cầu kỹ thuật và hiện trường tương tự tại Việt Nam (hoặc 2 đến 3 công trình tương tự về kỹ thuật) và có tổng giá trị lớn hơn giá trị gói thầu. - Nhà thầu không vi phạm pháp luật về đấu thầu		
2	Số lượng, trình độ cán bộ, công nhân kỹ thuật trực tiếp thực hiện gói thầu: đạt yêu cầu khi: - Có ít nhất 3 kỹ sư chuyên ngành xây dựng phù hợp với yêu cầu chất lượng và kỹ thuật của gói thầu, trong đó chỉ huy thi công có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thi công các công trình có yêu cầu chất lượng tương tự (có bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp và tài liệu chứng minh kinh nghiệm công tác ...). - Đội ngũ công nhân kỹ thuật trực tiếp thực hiện gói thầu đủ số lượng, cơ cấu ngành nghề và bậc thợ phù hợp theo yêu cầu của gói thầu.		
3	Năng lực tài chính: đạt yêu cầu khi: - Có đủ tài liệu chứng minh khả năng tài chính của nhà thầu trong 03 năm gần đây (Tổng tài sản; vốn lưu động; Doanh thu; lợi nhuận trước thuế và sau thuế) được kiểm toán, cơ quan quản lý tài chính hoặc cơ quan quản lý cấp trên xác nhận. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước. - Doanh thu bình quân trong 3 năm gần đây (2003, 2004, 2005) ≥ 2 lần giá gói thầu. (Đối với trường hợp nhà thầu liên danh thì doanh thu trung bình 03 năm liên kế được tính bằng tổng doanh thu các bên tham gia, trong đó nhà thầu đứng đầu liên danh phải có doanh thu trung bình 3 năm liên kế lớn hơn 60% giá trị doanh thu quy định ở trên và không thấp hơn tỷ lệ % giá trị gói thầu mà nhà thầu đứng đầu liên danh đó đảm nhận theo thỏa thuận của hợp đồng liên danh) - Có cam kết ứng vốn đảm bảo thi công theo đúng tiến độ dự thầu		

Đánh giá chi tiết về kỹ thuật chất lượng: chấm điểm theo khung điểm sau:

Bảng 3: Đánh giá về kỹ thuật và chất lượng

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa
	Tổng số điểm	100
I	Tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng:	65
1	Về giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công:	27
a	Biện pháp thi công (max = 7 điểm)	
	- Đầy đủ chi tiết cho từng hạng mục	7
	- Chỉ có biện pháp thi công cho các hạng mục chính	2 - 5
	- Nêu sơ sài chiếu lệ	0 - 1
b	Giải pháp kỹ thuật thi công (max = 10 điểm)	
	- Hợp lý, khả thi, tin cậy	10

	- Khả thi nhưng còn một số điểm chưa hợp lý, thiếu tin cậy ở bộ phận, hạng mục ít quan trọng	5 - 7
	- Thiếu tin cậy chưa hợp lý ở một số bộ phận, hạng mục chính	2 - 4
	- Thiếu tin cậy hoặc có vi phạm thuộc bộ phận, hạng mục chính ở mức độ không chấp nhận được	0
c	Biện pháp tổ chức thi công (max = 10 điểm)	
	- Tổ chức thi công hợp lý, khả thi	10
	- Có một số khâu chưa hợp lý nhưng có thể khắc phục được	5 - 7
	- Không khả thi hoặc có vi phạm không chấp nhận được	0
2	Chất lượng vật tư, vật liệu đáp ứng đầy đủ và tốt nhất:	6
3	Máy móc thiết bị thi công, đầy đủ, phù hợp và tốt nhất:	20
a	Tính đầy đủ (về chủng loại và số lượng) (max = 8 điểm)	
	- Đầy đủ về chủng loại, số lượng so với yêu cầu của TCTC	8
	- Thiếu một số máy móc thiết bị ít quan trọng.	5 - 7
	- Thiếu nhiều chủng loại hoặc thiếu ít nhưng là máy móc thiết bị quan trọng.	0 - 1
b	Tính hiện đại phù hợp với đặc điểm công trình (max = 6 điểm)	
	- Hiện đại, phù hợp với đặc điểm công trình.	6
	- Kém hiện đại hoặc ít phù hợp.	2 - 4
	- Lạc hậu, không phù hợp với đặc điểm công trình hoặc không bảo đảm yêu cầu chất lượng thi công.	0
c	Về tính sẵn sàng, dễ huy động (max = 6 điểm)	
	- Cửa nhà thầu, tính sẵn sàng cao, dễ huy động.	6
	- Cửa nhà thầu, tính sẵn sàng chưa cao.	4 - 5
	- Đi thuê, có cam kết giữa 2 bên, bảo đảm tính sẵn sàng huy động.	4
	- Phụ thuộc, không có cơ sở xác định tính sẵn sàng huy động.	0
4	Trang thiết bị đo đạc, kiểm tra đầy đủ, phù hợp và tốt nhất:	6
a	Đầy đủ (max = 2 điểm)	
	- Đầy đủ nhất, đáp ứng yêu cầu của thi công	2
	- Thiếu một số thiết bị phụ	1
	- Thiếu nhiều thiết bị trong đó có cả những thiết bị chính	0
b	Tính hiện đại (max = 2 điểm)	
	- Hiện đại.	2
	- Kém hiện đại.	1
	- Lạc hậu, không đảm bảo yêu cầu của thi công.	0

c	Về tính sẵn sàng, dễ huy động (max = 2 điểm)	
	- Cửa nhà thầu, tính sẵn sàng cao nhất, điều động được bất cứ lúc nào.	2
	- Cửa nhà thầu, tính sẵn sàng chưa cao.	1
	- Đi thuê, có cam kết giữa 2 bên sẵn sàng huy động.	1,5
	- Phụ thuộc, không có cơ sở xác định tính sẵn sàng	0
5	<i>Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, an toàn lao động:</i>	6
	- Có biện pháp BĐVS môi trường đầy đủ, cụ thể (max = 2 điểm).	2
	- Có biện pháp BĐATLĐ đầy đủ và cụ thể (max = 1 điểm).	1
	- Có biện pháp bảo đảm ATGT đầy đủ và cụ thể (max = 2 điểm).	2
	- Có biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy, nổ (max=1 điểm).	1
II	Tiêu chuẩn về kinh nghiệm năng lực nhà thầu:	10
	- Giám đốc điều hành công trình đúng nghề và có kinh nghiệm, thời gian công tác tối thiểu từ 5 năm trở lên và đã thi công 01 công trình có yêu cầu kỹ thuật tương tự trong vòng 5 năm gần đây (max=2 điểm).	2
	- Bố trí cán bộ KT thi công, KCS đủ số lượng theo yêu cầu, đúng nghề có kinh nghiệm công tác từ 5 năm trở lên (max=3 điểm).	3
	- Bố trí lực lượng lao động đủ, hợp lý, tay nghề cao, đúng nghề (max=3 điểm).	3
	- Đã thi công các công trình có tính chất tương tự: 2 á 3 công trình (> 3)	1 (2)
III	Tiêu chuẩn tiến độ thi công:	25
	+ Tiến độ thi công hợp lý, tin cậy đảm bảo tiến độ yêu cầu.	22
	+ Thiếu tin cậy.	10
	+ Vượt tiến độ thi công so với quy định cứ 10 ngày cộng thêm 1 điểm (tối đa là cộng thêm 3 điểm).	3
	+ Chậm tiến độ thi công so với quy định cứ 10 ngày trừ đi 1 điểm	

Nhà thầu nào đạt từ 70% tổng số điểm kỹ thuật trở lên và đạt từ 50% trở lên số điểm tối đa của từng chỉ tiêu đánh giá (được đánh số thứ tự từ I đến III trong khung điểm) sẽ được đưa vào danh sách ngắn để xét về giá bỏ thầu và xếp hạng nhà thầu theo giá đánh giá.

Đánh giá về mặt tài chính thương mại:

Việc đánh giá về mặt tài chính thương mại nhằm xác định giá đánh giá bao gồm:

- Sửa lỗi: xem mục I-25
- Hiệu chỉnh các sai lệch: xem mục I-26
- Đưa về cùng một mặt bằng giá để so sánh
- Xác định giá đánh giá của các hồ sơ dự thầu.

Xếp hạng nhà thầu theo giá đánh giá và kiến nghị nhà thầu trúng thầu:

Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trong danh sách ngắn có giá đánh giá thấp nhất sẽ được xếp thứ nhất và được kiến nghị trúng thầu nhưng giá bỏ thầu của Nhà thầu được đề nghị không vượt giá gói thầu được duyệt.

Trường hợp giá bỏ thầu của nhà thầu kiến nghị trúng thầu cao hơn so với giá gói thầu được duyệt, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Lưu ý: Hồ sơ dự thầu không được trả lại cho các nhà thầu, không phụ thuộc vào nhà thầu có được chọn hay không.

2. Nội dung xác định giá đánh giá

a. Xác định giá dự thầu

Xem mục I-10

b. Sửa lỗi

Xem mục I-25

c. Hiệu chỉnh các sai lệch

Xem mục I-26

d. Chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu sang một đồng tiền chung

Xem mục I-27

e. Đưa các chi phí về một mặt bằng

Xem mục I-28

IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

ĐƠN DỰ THẦU

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG GxD

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số (ghi số của văn bản bổ sung nếu có) mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi(ghi tên nhà thầu) cam kết thực hiện gói thầu **Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền thuộc dự án nhà máy xi măng GxD** theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là:.....(Ghi tổng số tiền bằng số, bằng chữ Việt Nam đồng) cùng với biểu giá chi tiết kèm theo.

Nếu Hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi xin sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương với% giá trị hợp đồng theo qui định trong hồ sơ mời thầu và cam kết thực hiện theo đúng hợp đồng

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian....ngày, kể từ.....giờ, ngày....., tháng....., năm 2007 (Ghi thời điểm đóng thầu)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

BẢN PHỤ LỤC
VỀ MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHÍNH

(Kèm theo đơn dự thầu)

1. Số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng:..... (viết số tiền bằng số và bằng chữ).....tương đương.....% giá trị hợp đồng.
2. (Giấy bảo lãnh của Ngân hàng): (tên Ngân hàng, địa chỉ của ngân hàng), số tiền:, tương đương% giá trị hợp đồng.
3. Yêu cầu chủ đầu tư ứng trước cho nhà thầu% giá trị hợp đồng
4. Thời hạn chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu khi có phiếu xác nhận thanh toán hàng tháng
5. Lãi suất chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu đối với khoản tiền chậm thanh toán% giá trị hợp đồng.
6. Mức tiền chủ đầu tư giữ lại chưa thanh toán cho nhà thầu để thực hiện bảo hành công trình:% giá trị hợp đồng.
7. Thời gian bảo hành công trình : 12 tháng kể từ ngày bàn giao chính thức đưa công trình vào sử dụng.
8. Thời gian bắt đầu khởi công kể từ ngày hợp đồng A, B được ký kết ngày.
9. Thời gian hoàn thành công trình ngày kể từ ngày khởi công (kể cả ngày nghỉ tuần, nghỉ lễ).
10. Mức độ phạt do kéo dài thời gian hoàn thành công trình% giá trị hợp đồng.

Ngày tháng năm 2007

Đại diện nhà thầu

(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú:

- *Các nhà thầu tham dự đấu thầu phải ghi đầy đủ các số liệu vào các mục nêu trên đây. Bản phụ lục hợp đồng này là một phần quan trọng của bản hợp đồng.*
- *Khả năng của chủ đầu tư về các vấn đề ghi tại các mục 2, 3, 4 đã được chủ đầu tư nêu tại phần chỉ dẫn cho nhà thầu.*
- *Nếu nhà thầu yêu cầu quá khả năng của chủ đầu tư thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó không được xét.*

MẪU BẢO LÃNH DỰ THẦU

Ngày tháng ...năm 2007

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG GxD

Ngân hàng(ghi tên ngân hàng) có trụ sở tại:(ghi địa chỉ ngân hàng) chấp thuận gửi cho **Công ty cổ phần xi măng GxD** một khoản tiền là: (ghi số tiền bằng số, bằng chữ và loại tiền) để bảo lãnh cho nhà thầu:(tên nhà thầu) tham dự đấu thầu xây lắp gói thầu “*Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*”.

Ngân hàng chúng tôi xin cam kết trả cho **Công ty cổ phần xi măng GxD** số tiền nói trên ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu của Công ty cổ phần xi măng **GxD**. Công ty cổ phần xi măng **GxD** không phải giải thích về yêu cầu của mình, chỉ cần ghi rõ số tiền phải trả là do nhà thầu(tên nhà thầu) vi phạm một trong các điều khoản sau đây:

- 1- Nếu nhà thầu rút đơn dự thầu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu đã quy định trong hồ sơ mời thầu.
- 2- Nếu nhà thầu đã được Bên mời thầu thông báo trúng thầu trong thời hạn có hiệu lực của hồ sơ dự thầu mà nhà thầu:
 - a- Từ chối thực hiện hợp đồng
 - b- Không có khả năng nộp hoặc từ chối nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có giá trị kể từ ngày nộp hồ sơ dự thầu đến sau 30 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của hồ sơ dự thầu. Bất cứ yêu cầu nào liên quan đến bảo lãnh này phải gửi tới ngân hàng trước thời hạn nói trên.

Tên ngân hàng bảo lãnh

(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH CÁC NHÀ THẦU PHỤ

TÊN, ĐỊA CHỈ NHÀ THẦU PHỤ	CÔNG VIỆC ĐƯỢC GIAO	KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH	GIÁ TRỊ GẦN ĐÚNG CỦA KHỐI LƯỢNG THẦU PHỤ	TÊN HỢP ĐỒNG HOẶC VĂN BẢN THỎA THUẬN SỐ...NGÀY...

....., Ngày.....tháng.....năm 2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Nhà thầu phụ cũng phải đầy đủ các giấy tờ thể hiện tư cách pháp nhân, năng lực tài chính, kinh nghiệm thi công của mình, đủ sức thực hiện phần khối lượng mình nhận thầu với nhà thầu chính.
- Các giấy tờ và hợp đồng với nhà thầu chính phải được đưa vào hồ sơ dự thầu như đã nêu tại phần "Chỉ dẫn cho các nhà thầu".

DỮ LIỆU LIÊN DANH

1. Tên liên danh:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Số điện thoại:
Số fax:
3. Địa chỉ khu vực (nơi tổ chức đấu thầu - nếu có):
Số điện thoại:
Số fax:
4. Tên của các thành viên:
a
b
c
d
5. Tên thành viên đại diện liên danh:
6. Thỏa thuận liên danh dự kiến:
Ngày ký thỏa thuận: Nơi ký:
.....
7. Dự kiến phân chia trách nhiệm giữa các thành viên:
.....
.....
.....

GIẤY ỦY QUYỀN (NẾU CÓ)
(ÁP DỤNG CHO NHÀ THẦU ĐỘC LẬP)

Ngày tháng năm 2007

Dự án: Dự án nhà máy xi măng **GxD**

Gói thầu: Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG GXD

Tôi (họ và tên):

Chức danh (người đứng đầu công ty).. .. là đại diện hợp pháp của công ty (Tổng công ty).. .. được thành lập theo.. .. (quyết định thành lập- đăng ký kinh doanh)... của(cơ quan quyết định thành lập)

Nay ủy quyền cho người có tên dưới đây được đại diện cho Công ty (Tổng công ty).. .. được ký và sử dụng con dấu của Công ty (Tổng công ty).. .. và ký tên tất cả các hồ sơ đề xuất liên quan đến hồ sơ dự thầu của gói thầu (tên gói thầu).. .. thuộc dự án (tên dự án).. ..

- Họ và tên đầy đủ:

- Địa chỉ:.. .. Điện thoại:.. ..

- Chức danh:

Chữ ký(1)

Chữ ký (2)

Thời gian hiệu lực của giấy ủy quyền này từ ngày.. .. tháng năm đến khi công bố kết quả đấu thầu.

Người ủy quyền

(Ký tên đóng dấu và ghi rõ chức danh)

GIẤY ỦY QUYỀN (NẾU CÓ)
(ÁP DỤNG CHO NHÀ THẦU LIÊN DANH)

Ngày tháng năm 2007

Dự án: Dự án nhà máy xi măng **GxD**

Gói thầu: Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền

Kính gửi:* CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG **GXD*

Chúng tôi.. .. (tên của Tổng công ty hoặc công ty thứ nhất) đã được thành lập và đang hoạt động theo luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và (Tên của Tổng công ty hoặc công ty thứ hai/ba) làm giấy ủy quyền này cho người có tên sau đây để ký và sử dụng con dấu của.. .. (tổng công ty hoặc công ty đứng đầu liên danh) trong đơn dự thầu và tất cả các hồ sơ, đề xuất liên quan, các thỏa thuận, hồ sơ dự thầu, hợp đồng và các hồ sơ cần thiết cho gói thầu.. .. (tên gói thầu) thuộc dự án.. .. (tên dự án)

- Họ và tên đầy đủ:
- Địa chỉ:.. .. Điện thoại:.. ..
- Chức danh:

Chữ ký(1)

Chữ ký (2)

Những người làm chứng đã ký tên dưới đây xác nhận chữ ký của người được ủy quyền và đóng dấu của (tổng công ty hoặc công ty đứng đầu liên danh) vào ngày.. .. tháng.. .. năm 2007.

Thay mặt cho (công ty thứ 1)

Thay mặt cho (công ty thứ 1)

- Ký tên (đóng dấu).. ..

- Ký tên (đóng dấu).. ..

- Họ và tên đầy đủ:.. ..

- Họ và tên đầy đủ:.. ..

- Chức danh.. .. (người đứng đầu công ty)

- Chức danh.. .. (người đứng đầu công ty)

- Địa chỉ:.. ..

- Địa chỉ:.. ..

Chứng nhận của công chứng Nhà nước hoặc xác nhận của Chủ đầu tư hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền Nhà nước.

(ký tên đóng dấu và ghi rõ chức danh)

Ghi chú: Giấy ủy quyền này bắt buộc đối với Nhà thầu liên danh.

THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty:

1. Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:

Số fax:

2. Địa chỉ văn phòng khu vực (nếu có)

Số điện thoại:

Số fax:

3. Địa chỉ văn phòng địa phương (nếu có):

Số điện thoại:

Số fax:

Nước và năm thành lập (kèm theo bản sao giấy phép đăng ký và quyền sở hữu)

.....
.....
.....
.....

Các ngành kinh doanh chính:

a)từ.....

b)từ.....

c)từ.....

....., Ngày.....tháng.....năm2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

SỐ LIỆU VỀ TÀI CHÍNH

A. Tóm tắt tài sản có và tài sản nợ trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính đã được kiểm toán trong vòng 3 năm tài chính gần đây (kèm bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán).

STT	TÀI SẢN	NĂM 2003	NĂM 2004	NĂM 2005
1	Tổng số tài sản có			
2	Tài sản có lưu động			
3	Tổng số tài sản nợ			
4	Tài sản nợ lưu động			
5	Lợi nhuận trước thuế			
6	Lợi nhuận sau thuế			
7	Doanh thu			

....., Ngày.....tháng.....năm2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

B. Tín dụng và tổng hợp:

1. Tên và địa chỉ ngân hàng thương mại cung cấp tín dụng:
2. Tổng số tiền tín dụng:
3. Danh mục các hợp đồng đang tiến hành:

Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Tên cơ quan ký hợp đồng	Giá trị công trình còn phải làm	Ngày hoàn thành theo kế hoạch
Tổng giá trị				

HỒ SƠ KINH NGHIỆM

1. Tổng số năm có kinh nghiệm trong công việc xây dựng công trình giao thông
2. Tổng số năm có kinh nghiệm trong công việc xây dựng chuyên dụng

Stt	Tính chất công việc	Số năm kinh nghiệm
1		
2		

3. Danh sách các hợp đồng về các công trình có kết cấu tương tự gói thầu có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên được thực hiện trong 3 đến 5 năm gần đây:

Tính chất công trình	Tổng giá trị	Giá trị nhà thầu thực hiện	Thời hạn hợp đồng		Tên cơ quan ký hợp đồng	Tên nước
			Khởi công	Hoàn thành		
1	2	3	4	5	6	7

....., Ngày.....tháng.....năm2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

Cột 1: Liên quan chủ yếu đến qui mô, tính chất công trình

Cột 2: Tỷ giá hối đoái tính tại ngày trao hợp đồng (nếu có)

Cột 3: Kê khai trong trường hợp là một nhà thầu phụ hoặc một bên liên doanh.

Cột 6: Ký tên, đóng dấu của cơ quan ký Hợp đồng giao nhận thầu xây dựng (hoặc các Hợp đồng đã ký kết kèm theo)

BẢNG KÊ MÁY MÓC THIẾT BỊ THI CÔNG

**SẼ ĐƯỢC HUY ĐỘNG ĐỂ THI CÔNG XÂY LẮP HẠNG MỤC NẠO VẾT KHU
NƯỚC TRƯỚC CẢNG NHẬP VÀ BẾN XUẤT - TRẠM NGHIÊN THUỘC DỰ ÁN
NHÀ MÁY XI MĂNG **GXD****

LOẠI MÁY THI CÔNG	CÔNG SUẤT	TÍNH NĂM	NƯỚC C SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	SỐ GIỜ ĐÃ HOẠT ĐỘNG	CỦA NHÀ THẦU HAY ĐI THU Ê	SỐ LƯỢT	HIỆN ĐANG Ở Đâu VÀ ĐANG LÀM GÌ	CHẤ T LƯỢT THỰC HIỆN HIỆN	ƯỚC TÍNH GIÁ CÁ MÁY HIỆN NAY

....., Ngày.....tháng.....năm 2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú

- Nếu là máy móc, thiết bị đi thuê thì cần có giấy tờ xác nhận thực tế (Hợp đồng bản sao có công chứng hoặc bản cam kết của 2 bên) để chứng minh được tính sẵn sàng huy động của thiết bị nhằm đảm bảo yêu cầu cho công trình.
- Nhà thầu phải nêu rõ thiết bị của mình đang ở đâu và đang làm ở công trình nào.

BẢNG KÊ DỤNG CỤ THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM KIỂM TRA

a. Ở hiện trường thi công:

LOẠI DỤNG CỤ	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	NƯỚC SẢN XUẤT	CHỦ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG	HIỆN Ở ĐÂU	CHẤT LƯỢNG SỬ DỤNG

....., Ngày.....tháng.....năm2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

b. Ở trung tâm thí nghiệm

LOẠI DỤNG CỤ	TÍNH NĂNG KỸ THUẬT	NƯỚC SẢN XUẤT	CHỦ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG	HIỆN Ở ĐÂU	CHẤT LƯỢNG SỬ DỤNG

....., Ngày.....tháng.....năm2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

BỔ TRÍ NHÂN LỰC

(Tên công trình)

Công việc	Tên	Tuổi	Năm công tác (*)	Học vấn	Nhiệm vụ dự kiến được giao	Kinh nghiệm có liên quan
1. Quản lý chung: – Tại trụ sở – Tại hiện trường						
2. Quản lý hành chính: – Tại trụ sở – Tại hiện trường						
3. Quản lý kỹ thuật: – Tại trụ sở – Tại hiện trường						
4. Giám sát hiện trường: – Tại trụ sở – Tại hiện trường						
5. Các công việc khác:						

....., Ngày.....tháng.....năm2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

(*) Gửi kèm theo một bản kê khai tóm tắt năng lực công tác của mỗi cán bộ chủ chốt nêu trong biểu trên theo mẫu 10.c.

**DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT
ĐIỀU HÀNH THI CÔNG TẠI CÔNG TRƯỜNG**

Stt	Chức danh	Họ và tên người được chỉ định
1	Giám đốc điều hành	
2	Người thay thế khi đi vắng	
3	Chủ nhiệm kỹ thuật điều hành thi công	
4	Chủ nhiệm KCS	
5	Các kỹ sư xây dựng Cảng - Đường thủy	
6	Các kỹ sư chuyên ngành khác	
7	Phụ trách thí nghiệm	

....., Ngày.....tháng.....năm 2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực công tác của từng cán bộ chủ chốt điều hành nêu trong biểu trên theo mẫu 10.c

**BẢN KÊ NĂNG LỰC TỪNG CÁN BỘ CHỦ CHỐT ĐIỀU HÀNH
NÊU TRONG DANH SÁCH TẠI BIỂU 10.A VÀ 10.B**

Chức danh: (Ví dụ Giám đốc điều hành)

1. Họ và tên: Tuổi:

2. Bằng cấp:

Trường: Ngành:

Khoá học:

3. Thời gian đã làm công tác xây dựng công trình:

Chức danh:

Thời gian: năm, từ năm: đến năm Công
trình gì:

4. Thời gian đã làm công việc tương tự như sẽ làm ở công trình này :

Chức danh:

Thời gian: năm, từ năm: đến năm Công
trình gì:

Qui mô công trình:

Ngày tháng năm 2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2007

Người khai (ký tên)

DỰ KIẾN DANH SÁCH CÔNG NHÂN THI CÔNG
(Tên công trình)

LOẠI CÔNG TRÌNH	SỐ NGƯỜI	BẬC THỌ	ĐƠN VỊ NÀO

....., Ngày.....tháng.....năm 2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực công tác của từng công nhân kỹ thuật từ trước đến nay

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HIỆN TRƯỜNG

1. Sơ đồ tổ chức hiện trường:

.....
.....
.....
.....
.....

2. Thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường:

.....
.....
.....
.....
.....

3. Mô tả mối quan hệ giữa trụ sở chính và việc quản lý ngoài hiện trường:

.....
.....
.....
.....
.....

4. Chỉ rõ trách nhiệm và thẩm quyền nào sẽ được giao phó cho quản lý hiện trường:

.....
.....
.....
.....

....., Ngày.....tháng.....năm 2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ VÀ GIÁ DỰ THẦU

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG MỜI THẦU	ĐƠN GIÁ DỰ THẦU	GIÁ DỰ THẦU	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7

....., Ngày.....tháng.....năm2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

Tổng cộng (viết bằng số):

(Viết bằng chữ):

Ghi chú:

- Cột (2) Tên công việc : ghi theo loại công việc như bảng tiên lượng mời thầu được nêu trong hồ sơ mời thầu.
- Cột (4) Khối lượng : ghi theo đúng khối lượng được nêu trong bản tiên lượng mời thầu.
- Những công việc hoặc khối lượng mà nhà thầu lường trước sẽ phải làm nhưng không có trong bản tiên lượng mời thầu hoặc khác với bản tiên lượng mời thầu (tăng hoặc giảm khối lượng thì Nhà thầu lập riêng thành 1 bảng và chỉ điền số liệu vào các cột 1,2,3,4,5. Nhưng không điền cột 6 (giá bỏ thầu). Nếu sau này do nguyên nhân khách quan hoặc không phải do nhà thầu gây ra thì sẽ có cơ sở để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.
- Cột (5) Đơn giá dự thầu:
- Tính theo đơn vị khối lượng trong bản tiên lượng mời thầu.
- Đơn giá ở cột 5 là đơn giá tổng hợp đã bao gồm đầy đủ các chi phí trực tiếp, các phụ phí, thu nhập trước thuế giá trị gia tăng. Trong đơn giá dự thầu không tính dự phòng và trượt giá. Riêng chi phí các công trình phụ, tạm và mọi chi phí phục vụ thi công có thể được phân bổ vào từng đơn giá hoặc có thể lập riêng thành bảng tính chi phí xây lắp khác sau thuế (bao gồm các công trình phụ tạm và mọi chi phí phục vụ thi công khác đã tính thuế VAT theo tỷ lệ).

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ DỰ THẦU

Số T T	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	VL+NC+M+TT	
1	<i>Chi phí vật liệu</i>	VL	$\sum_{j=1}^j Q^j \times D^{jvl} \times (1+K_{vl})$	
2	<i>Chi phí nhân công</i>	NC	$\sum_{j=1}^j Q^j \times D^{jnc} \times (1+K_{nc})$	
3	<i>Chi phí máy thi công</i>	M	$\sum_{j=1}^j Q^j \times D^{jm} \times (1+K_m)$	
4	<i>Trực tiếp phí khác</i>	TT	$(VL+NC+M) \times 1,5\%$	
II	CHI PHÍ CHUNG	C	$P \times T \times 5,3\%$	
	GIÁ THÀNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG	Z	T+C	
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+C) \times 6\%$	
	<i>Giá trị dự toán xây dựng trước thuế</i>	G	T+C+TL	
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	$G \times 5\%$	
	<i>Giá trị dự toán xây dựng sau thuế</i>	$G_{XD\overline{C}P}$ T	G+GTGT	
	<i>CPXD nhà tạm để ở và điều hành TC</i>	$G_{XD\overline{L}T}$	$G \times 1\% \times 1,1$	

....., Ngày.....tháng.....năm 2007

Đại diện Nhà thầu*(Ký tên, đóng dấu)*Ghi chú: Yêu cầu lập chi tiết cho từng công việc.

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ VẬT LIỆU CHÍNH

Loại vật liệu chính	Đơn vị	Nơi mua	Đơn giá gốc nơi mua	Đơn giá tại hiện trường	Phương tiện vận chuyển
1	2	3	4	5	6

....., ngày.....tháng.....năm 2007

Đại diện Nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

- Ghi rõ những chủng loại, mã hiệu, nước (hay hãng) sản xuất vật tư.
- Ghi rõ giá này là chưa có thuế VAT hoặc đã có thuế VAT. Nếu là vật tư nhập khẩu, ghi rõ giá không có thuế nhập khẩu và giá có thuế nhập khẩu.

MẪU PHONG BÌ GỬI HỒ SƠ DỰ THẦU

HỒ SƠ DỰ THẦU XÂY LẮP

GÓI THẦU : NẠO VẾT KHU NƯỚC TRƯỚC CẢNG NHẬP VÀ BẾN XUẤT -
TRẠM NGHIỀN

DỰ ÁN NHÀ MÁY XI MĂNG **GXD**

Địa điểm xây dựng:

Bên mời thầu : Công ty cổ phần xi măng **GxD**

Địa chỉ: *Giaxaydung.vn*

Điện thoại:

Nhà thầu:

Địa chỉ :

Điện thoại:

Fax:

Hồ sơ bao gồm: 01 bộ gốc và 04 bộ sao

(Không mở ra trước 15 giờ ngày...../...../2007)

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 2007

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG GxD

Địa chỉ: Giaxaydung.vn

Ngân hàng (tên ngân hàng) có trụ sở tại (ghi địa chỉ của ngân hàng).

Do (tên nhà thầu) cam kết thực hiện việc xây lắp gói thầu gói thầu ***Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*** và do yêu cầu của **Công ty cổ phần xi măng GxD** nêu trong hồ sơ mời thầu yêu cầu nhà thầu phải nộp giấy bảo lãnh của ngân hàng với số tiền:..... (ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền) để đảm bảo trách nhiệm của nhà thầu trong thời gian thực hiện hợp đồng đã ký.

Chúng tôi đồng ý cấp cho Nhà thầu giấy bảo lãnh này và khẳng định rằng chúng tôi thay mặt cho bên nhà thầu chịu trách nhiệm trước **Công ty cổ phần xi măng GxD** với số tiền đảm bảo là: (ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền)

Khi nhận được văn bản yêu cầu của **Công ty cổ phần xi măng GxD** và không cần bất kỳ sự giải thích nào, chúng tôi cam đoan sẽ trả cho **Công ty cổ phần xi măng GxD** số tiền đảm bảo là (ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền)

Bảo lãnh này có hiệu lực cho đến khi ký biên bản nghiệm thu hạng mục công trình và chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Tên ngân hàng bảo lãnh
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

SỐ:

**Về việc: Thi công xây lắp Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên
thuộc Dự án nhà máy xi măng **GxD****

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khóa XI, kỳ họp thứ 4.
- Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BXD ngày 25/2/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
- Căn cứ quyết định sốngày.....tháng.....năm của công ty cổ phần Xi măng **GxD** về việc phê duyệt thiết kế nạo vét khu nước cảng nhập và bến xuất – Trạm nghiên – Dự án nhà máy xi măng **GxD**.
- Quyết định số.....ngày/...../2007 của Công ty CP xi măng **GxD** về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu: Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất – Trạm nghiên – Dự án nhà máy xi măng **GxD**.
- Quyết định số.....ngày/...../2007 của Công ty CP xi măng **GxD** về việc phê duyệt kết quả đấu thầu.
- Thông báo trúng thầu số ngày/...../2007 của Công ty CP xi măng **GxD**.

Hôm nay, ngày tháng năm 2007, chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (SAU ĐÂY GỌI TẮT LÀ BÊN A)

- Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG **GXD**
- Đại diện :
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Giaxaydung.vn
- Điện thoại :
- Tài khoản :
- Mở tại :
- Mã số thuế :

2. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG (SAU ĐÂY GỌI TẮT LÀ BÊN B)

- Đơn vị : Công ty
- Đại diện : Ông
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ :
- Điện thoại :

- Tài khoản :
- Mở tại :
- Mã số thuế :

Sau khi đã bàn bạc và thống nhất, hai Bên A - B đồng ý ký kết Hợp đồng kinh tế này với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện “*Thi công Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*” tại do Công ty cổ phần xi măng **GxD** là Chủ đầu tư theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt, được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 2. CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

Bên B có trách nhiệm chủ động tự tổ chức, điều hành thực hiện “*Thi công Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*” đảm bảo theo đúng thiết kế theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy định hiện hành của Nhà nước; đảm bảo chất lượng, tiến độ và phù hợp với các nội dung cụ thể như sau:

- Hồ sơ thiết kế Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên thuộc Dự án nhà máy xi măng **GxD** đã được phê duyệt.
- Hồ sơ dự thầu gói thầu “*Thi công Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*” do Công ty lập tháng/2007.
- Các văn bản khác có liên quan ...

ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Tổng thời gian thực hiện công việc đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng là ngày (kể cả ngày lễ, tết, chủ nhật...) kể từ ngày

ĐIỀU 4: ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

4.1 Điều kiện nghiệm thu

- Tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình được quy định trong Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, hoàn thành hạng mục công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được nghiệm thu và vẽ bản vẽ hoàn công trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.
- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.
- Hạng mục công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu của Hồ sơ thiết kế đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

4.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa hạng mục công trình vào sử dụng.

Việc nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng phải thành lập Hội đồng nghiệm thu bàn giao hạng mục công trình, thành phần của Hội đồng nghiệm thu theo quy định của pháp luật về nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình xây dựng.

ĐIỀU 5. BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH:

5.1. Công ty có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình ngay sau khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, chịu mọi phí tổn khắc phục và theo quy định hiện hành của Nhà nước. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu thi công xây dựng gây ra.

5.2. Thời hạn bảo hành hạng mục công trình là **12 tháng** kể từ ngày Công ty bàn giao toàn bộ hạng mục công trình hoàn thành cho Bên A và hai Bên A - B ký Biên bản nghiệm thu hạng mục công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng.

5.3. Mức tiền bảo hành công trình: 5% Tổng giá trị Hợp đồng.

ĐIỀU 6: TỔNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Tổng giá trị Hợp đồng thực hiện “*Thi công Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiền thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*” là:đồng.

(Bằng chữ:).

(Kèm theo Phụ lục Tổng giá trị Hợp đồng).

- Tổng giá trị Hợp đồng nêu trên là giá trị để thực hiện toàn bộ nội dung công việc như đã quy định tại các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, đã bao gồm các chi phí vật liệu, nhân công, thiết bị xe máy thi công và các chi phí khác liên quan để phục vụ thi công, thuế VAT... và chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có công việc phát sinh (tăng hoặc giảm), Bên A sẽ thanh toán phần phát sinh cho Bên B sau khi dự toán phần phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện thanh toán phần phát sinh khi quyết toán giá trị thực hiện Hợp đồng.

- Tổng giá trị Hợp đồng nêu trên được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a. Bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện tăng hoặc giảm so với Hợp đồng:

- Nếu khối lượng công việc phát sinh đã có đơn giá trong Hợp đồng thì giá trị phần khối lượng phát sinh được tính theo đơn giá đó.

- Nếu khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá ghi trong Hợp đồng thì giá trị phát sinh được tính theo đơn giá tại địa phương nơi xây dựng công trình, nếu không có đơn giá tại địa phương hai bên thống nhất xây dựng mức giá mới.

b. Nhà nước thay đổi chính sách: thay đổi tiền lương, thay đổi giá nguyên vật liệu do nhà nước quản lý giá, thay đổi tỷ giá hối đoái đối với phần vốn có sử dụng ngoại tệ hoặc thay đổi các chế độ, chính sách mới làm thay đổi mặt bằng giá đầu tư xây dựng công trình. Trong trường hợp này chỉ được điều chỉnh khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

c. Trường hợp bất khả kháng do thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được. Khi đó hai Bên A-B thương thảo để xác định giá trị Hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

7.1. Đồng tiền thanh toán: mọi thanh toán theo Hợp đồng này được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam.

7.2. Hình thức thanh toán và thời hạn thanh toán

a. Tạm ứng:

10% (mười phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi Bên A nhận được bản gốc các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT do Bên B ký phát.
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo mẫu 16 và bảo lãnh tạm ứng do ngân hàng có uy tín của Việt Nam phát hành.
- Văn bản đề nghị tạm ứng của Bên B.

b. Thanh toán theo tiến độ

80% (tám mươi phần trăm) (bao gồm cả giá trị tạm ứng 10%) giá trị của phần công việc được nghiệm thu sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B theo tiến độ thực hiện Hợp đồng bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi Bên A nhận được bản gốc các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT do Bên B ký phát.
- Hồ sơ nghiệm thu, Hồ sơ thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B theo khối lượng công việc hoàn thành và được hai Bên A - B nghiệm thu.

15% (mười lăm phần trăm) Tổng giá trị Hợp đồng quyết toán sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B theo tiến độ thực hiện Hợp đồng bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi hai Bên A - B ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng và Bên A nhận được bản gốc các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT do Bên B ký phát.
- Bản vẽ và Hồ sơ hoàn công theo khối lượng công việc hoàn thành
- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B theo khối lượng công việc hoàn thành và được hai Bên A - B nghiệm thu.
- Hồ sơ nghiệm thu, Hồ sơ thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c. Thanh toán cuối cùng

5% (năm phần trăm) Tổng giá trị Hợp đồng quyết toán sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi hết hạn thời gian bảo hành hạng mục công trình là **12 tháng** và hạng mục công trình được kiểm toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

7.3. Thời hạn nộp các chứng từ thanh toán: từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

ĐIỀU 8. BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG VÀ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

8.1. Bảo lãnh tiền tạm ứng

8.1.1. Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng, Bên B phải trình cho Bên A Bảo lãnh tiền tạm ứng do một Ngân hàng của Việt Nam phát hành và được Bên A chấp nhận. Trị giá của Bảo lãnh tiền tạm ứng là 10% (mười phần trăm) Tổng giá trị Hợp đồng, tương đương đồng (Bằng chữ:). Mọi thủ tục và chi phí liên quan đến việc mở Bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ do Bên B chịu.

8.1.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ có hiệu lực từ kể từ ngày Ngân hàng Bên B gửi tiền tạm ứng cho Bên B thông qua Ngân hàng của Bên B cho đến khi Bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định trong Hợp đồng và hai Bên A-B ký kết Biên bản nghiệm thu.

8.1.3. Trong trường hợp Bên B chậm tiến độ thực hiện thì hiệu lực của Bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ tự động kéo dài tương ứng và mọi chi phí liên quan sẽ do Bên B chịu.

8.2. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

8.2.1. Trong vòng 07 ngày (bảy ngày) kể từ ngày ký kết Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do một Ngân hàng của Bên B phát hành và được Bên A chấp nhận. Giá trị của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng là 10% (mười phần trăm) Tổng giá trị Hợp đồng, tương đương đồng (Bằng chữ:). Mọi thủ tục và chi phí liên quan đến việc mở Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ do Bên B chịu.

8.2.2. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành và chấm dứt hiệu lực vào ngày ký Biên bản nghiệm thu Báo cáo kết quả khảo sát theo quy định của Hợp đồng này.

8.2.3. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ trả cho Bên A để đền bù cho bất cứ thiệt hại nào do lỗi của Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Khi Bên B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng thì Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A trả lại cho Bên B không chậm hơn 30 (ba mươi) ngày sau khi có Chứng chỉ nghiệm thu toàn bộ.

8.3. Giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được ấn định bằng đồng tiền của Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

9.1. Quyền và trách nhiệm Bên A

- Cung cấp các tài liệu, số liệu, các văn bản pháp lý có liên quan đến công trình để thực hiện công việc được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- Tổ chức bàn giao mốc giới, mặt bằng công trình cho Bên B thi công.
- Cử cán bộ kỹ thuật giám sát, đôn đốc Bên B thực hiện nội dung công việc như đã thỏa thuận và phối hợp cùng Bên B giải quyết các vấn đề vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Tổ chức nghiệm thu công trình khi Bên B hoàn thành từng khối lượng công việc.
- Đảm bảo tạm ứng, thanh toán cho Bên B theo đúng quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Hợp đồng này.
- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm mua bảo hiểm công trình.

9.2. Quyền và trách nhiệm Bên B

- Trong vòng 7 ngày sau khi ký Hợp đồng, Bên B phải hoàn thành các công việc chuẩn bị, nộp danh sách nhân viên, kế hoạch triển khai công tác thi công, phương

án thi công, kế hoạch tiến độ thi công chi tiết gửi bằng văn bản để Bên A phê duyệt trước khi thi công.

- Bắt đầu từ ngày bàn giao mặt bằng, Bên B phải có kế hoạch thi công, báo cáo thực hiện kế hoạch hàng tuần, hàng tháng gửi cho Bên A để theo dõi điều hành tiến độ thi công.
- Bên B phải tập trung mọi vật tư, thiết bị của mình để thi công công trình theo đúng kế hoạch của tiến độ đề ra.
- Thực hiện công việc đảm bảo chất lượng, đảm bảo tiến độ theo các nội dung đã quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng này cũng như các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện kịp thời việc sửa chữa những sai sót hoặc bổ sung thay đổi theo yêu cầu của Bên A hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Trong quá trình thực hiện công việc, Bên B có trách nhiệm thông báo thường xuyên cho Bên A các công việc liên quan để hai Bên cùng tham gia bàn bạc xử lý kịp thời.
- Chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm nhân sự đối với Người thứ ba.
- Chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác an toàn cho người và phương tiện thực hiện công việc tại công trường. Nếu xảy ra những việc ngoài ý muốn, thương vong .v.v... đều không liên quan đến Bên A.
- Phải có nhật ký công trình, lập Hồ sơ nghiệm thu hoàn công, Hồ sơ pháp lý, phiếu giá thanh toán khối lượng công việc hoàn thành, Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, Hồ sơ thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và bàn giao đầy đủ cho Bên A sau khi hoàn thành xong công việc.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bên A tính chính xác về khối lượng, chất lượng và tiến độ thi công của công trình.
- Đền bù những hư hỏng của hệ thống hạ tầng và các công trình xung quanh nếu do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công.
- Chịu trách nhiệm bù đắp lại những tổn thất và phạt vi phạm Hợp đồng nếu không thực hiện đúng những cam kết theo điều kiện chung và điều kiện cụ thể của Hợp đồng.
- Nhận tiền thanh toán theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG

a. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng kinh tế này mang tính khách quan, nằm ngoài khả năng kiểm soát của cả hai bên và ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng này như thiên tai, dịch họa, sự thay đổi chính sách của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các sự kiện bất khả kháng theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên Bị ảnh hưởng trực tiếp bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý, kịp thời và các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo ngay cho bên kia biết trong vòng 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng.

b. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài thêm tối đa bằng khoảng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng và phải được hai Bên xem xét chấp nhận bằng văn bản.

ĐIỀU 11: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG

11.1. Phạt do vi phạm chất lượng, tiến độ Hợp đồng

- Nếu Bên A phát hiện sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật, không đúng nguồn gốc, chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật thì Bên A có quyền phạt Bên B do vi phạm về chất lượng đến 5% giá trị Hợp đồng. Nếu gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng kỹ thuật, Bên A có quyền không thanh toán, yêu cầu làm lại hoặc huỷ bỏ Hợp đồng.

- Bên B sẽ bị phạt chậm tiến độ nếu không hoàn thành nội dung công việc như đã nêu tại Điều 1 và Điều 2 của Hợp đồng này mà không có lý do chính đáng được Bên A chấp nhận, không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi Bên A gây ra. Giá trị tiền phạt chậm tiến độ là 0,5% giá trị Hợp đồng cho một ngày chậm chễ. Tuy nhiên, tổng giá trị các khoản tiền phạt không vượt quá 12% giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B về các sai sót hoặc chậm trễ của Bên B về việc thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng này mà Bên B không có biện pháp khắc phục, sửa chữa hoặc cố tình không sửa chữa; hoặc trong trường hợp Bên B bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động thì Bên A có quyền đơn phương tuyên bố chấm dứt Hợp đồng, Bên B phải hoàn trả lại Bên A toàn bộ số tiền đã tạm ứng và phải chịu phạt thêm 12% giá trị Hợp đồng bị vi phạm.

11.2. Phạt do chậm thanh toán

Nếu đến thời hạn mà Bên A chậm tạm ứng hoặc thanh toán cho Bên B thì Bên A phải bồi thường cho Bên B khoản phạt do chậm thanh toán theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính từ ngày phải tạm ứng hoặc thanh toán theo quy định của Hợp đồng. Nghĩa vụ trả tiền được coi là hoàn thành kể từ khi Bên A chuyển đủ số tiền như đã nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này vào tài khoản của Bên B.

ĐIỀU 12: TẠM DỪNG, HUỖ BỎ HỢP ĐỒNG

12.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng

Các trường hợp tạm dừng Hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc của Bên B gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

Một Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp

đồng đã ký kết; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng sẽ do hai Bên thoả thuận để khắc phục.

12.2. Huỷ bỏ Hợp đồng

a. Một Bên có quyền huỷ bỏ Hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi Bên kia vi phạm Hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các Bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

b. Bên huỷ bỏ Hợp đồng phải thông báo ngay cho Bên kia biết việc huỷ bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên kia, thì Bên huỷ bỏ Hợp đồng phải bồi thường.

c. Khi Hợp đồng bị huỷ bỏ, thì Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các Bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

ĐIỀU 13: BẢO MẬT

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên B không được phép tiết lộ bất cứ thông tin nào có liên quan đến nội dung công việc mà Bên B được giao theo Hợp đồng này. Trong trường hợp Bên B vi phạm thì Bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A.

- Bên B không được phép chuyển giao bất cứ tài liệu nào có liên quan đến Hợp đồng này cho bất cứ bên thứ 3 nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 14: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu có bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải giữa hai Bên.

- Trong trường hợp không giải quyết được thông qua thương lượng và hoà giải giữa hai Bên thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên và Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi phí tổn trong quá trình tố tụng.

ĐIỀU 15: NGÔN NGỮ SỬ DỤNG

Ngôn ngữ sử dụng của Hợp đồng này là tiếng Việt

ĐIỀU 16: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

a. Các tài liệu sau đây là bộ phận không thể tách rời Hợp đồng, cụ thể:

- Phụ lục Tổng giá trị Hợp đồng, kể cả các Bảng tính chi tiết giá trị Hợp đồng.

- Hồ sơ thiết kế “*Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*” được phê duyệt.

- Hồ sơ dự thầu gói thầu “*Thi công xây lắp Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất - Trạm nghiên thuộc Dự án nhà máy xi măng GxD*” do Công ty lập tháng/2007.

- Các văn bản khác có liên quan.....

b. Các điều khoản chung khác

- Hai Bên A- B cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Hợp đồng này và đảm bảo Hợp đồng được hoàn thành đúng tiến độ đạt các yêu cầu đề ra.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày thanh lý Hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 12 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 08 bản, Bên B giữ 04 bản để thực hiện.

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG GXD

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY

PHẦN B2: YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

I. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CỦA GÓI THẦU

1. Phạm vi công việc

- Nạo vét 2 khu vực: Khu nước trước cảng nhập và khu nước trước bến xuất theo đúng hồ sơ thiết kế

- Đảm bảo chất lượng môi trường trong quá trình thi công.

2. Tiến độ thực hiện

a. Thời gian khởi công xây dựng công trình:

Dự kiến tháng 02 năm 2007.

b. Thời gian hoàn thành công trình

45 ngày (kể cả ngày lễ, tết, thứ 7, chủ nhật)

II. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Các tiêu chuẩn để đánh giá từng hạng mục công trình và công trình đạt các yêu cầu về chất lượng kỹ thuật trong quá trình thi công, cần thiết tuân theo các điều kiện về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, các quy trình thí nghiệm, các chỉ tiêu kỹ thuật, các quy định về thi công và nghiệm thu hiện hành như sau:

1. Tiêu chuẩn, qui trình áp dụng

TT	Tên quy trình	Mã hiệu	Ban hành ngày
I	Qui định chung:		
1	Qui phạm an toàn kỹ thuật trong xây dựng	TCVN 5038-91	
2	Qui phạm an toàn trong công tác xếp dỡ	TCVN 3147-90	
3	Tổ chức thi công	TCVN 4055-85	

II	Thi công nghiệm thu:		
1	Công tác đất- Qui phạm thi công và nghiệm thu		
2	Qui trình thi công và nghiệm thu công tác nạo vét và bồi đắp công trình vận tải sông, biển thực hiện bằng phương pháp cơ giới thủy lực	TCVN 4447-87 QĐ SỐ 924 /QĐ-KT4	
3	Công tác hoàn thiện trong xây dựng: Thi công và nghiệm thu. Và các qui trình, qui phạm kỹ thuật hiện hành có liên quan.	(TIÊU CHUẨN NGÀNH) TCVN 5674-92 TCVN 5575 -91	

2. Công tác thí nghiệm, đo đạc kiểm tra:

Nhà thầu bằng kinh phí và năng lực của mình phải tổ chức tại hiện trường:

- Một bộ phận đo đạc để kiểm tra và đánh giá chất lượng và tiến độ thi công của mình, các kết quả đo đạc trên phải bằng các văn bản do tổ chức có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện.

- Một bộ phận thí nghiệm, để kiểm tra và đánh giá chất lượng thi công của mình, các kết quả thí nghiệm trên phải bằng các văn bản do tổ chức có đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện.

Bằng yêu cầu trên, nhà thầu không đảm nhận được, thì bên mời thầu có quyền chỉ định một đơn vị có đầy đủ tư cách và năng lực thực hiện

3. Kiểm tra chất lượng các hạng mục công trình:

- Việc kiểm tra chất lượng được tiến hành theo yêu cầu của bên mời thầu khi được nhà thầu thông báo về đề nghị nghiệm thu chất lượng hạng mục công trình, để thanh toán hoặc để chuyển tiếp giai đoạn thi công, hoặc theo yêu cầu của bên mời thầu trong quá trình thi công, khi các công tác thi công được cho rằng không đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật.

- Công tác kiểm tra chất lượng phải ghi rõ các kết quả kiểm tra, các thông số đo đạc về kích thước hình học, cao độ, cùng các chỉ tiêu kỹ thuật khác như các kết quả thí nghiệm. Kết quả kiểm tra chất lượng phải được ghi rõ vào biên bản kiểm tra, đặc biệt là các hạng mục công trình ẩn dấu.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về công trình như chất lượng vật liệu và sản phẩm thi công của mình, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, các chứng chỉ vật liệu và các thành phần cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giai đoạn thi công, cũng như khi có yêu cầu của bên mời thầu có thể sử dụng các số liệu của nhà thầu làm căn cứ để nghiệm thu công trình.

- Nhà thầu sẽ phải thực hiện bất kỳ những việc kiểm tra và thí nghiệm cần thiết khác dưới sự chỉ đạo của bên mời thầu khi xét thấy cần thiết để đảm bảo cho ổn định và chất lượng của công trình.

- Khi kiểm tra lại các hạng mục công trình hoặc các nguyên vật liệu thi công có kết quả không đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật thì nhà thầu phải tiến hành ngay việc sửa chữa hoặc phá dỡ các sản phẩm, các nguyên vật liệu đó, đồng thời nhà thầu phải tiến hành các thí nghiệm các chứng chỉ chất lượng của việc sửa chữa đó bằng chi phí của Nhà thầu.

4. Những điểm cần lưu ý trong thi công

- Nhà thầu phải có các phương tiện nạo vét phù hợp để thi công trình đảm bảo chất lượng và tiến độ.

- Để đảm bảo vệ sinh môi trường các phương tiện và thiết bị nạo vét phải đảm bảo chất lượng kỹ thuật, không được để rò rỉ dầu mỡ ra biển.

- Phải có các phương tiện và thiết bị báo hiệu cảnh giới, chỉ dẫn giao thông để đảm bảo an toàn cho các phương tiện giao thông hành hải trên luồng.

- Thông báo với các cơ quan chức năng quản lý để có sự kết hợp đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình nạo vét trên đoạn luồng

- Nhà thầu phải có biện pháp cụ thể để đảm bảo an toàn cho phương tiện, thiết bị thi công và đảm bảo cứu hộ, cứu nạn đề phòng khi có sự cố về người và phương tiện.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước cùng các phí tổn về việc để xảy ra tai nạn trên công trường.

- Trong quá trình nạo vét cần quan trắc mực nước, điều chỉnh thiết bị để hạn chế và giảm thiểu khối lượng nạo vét do sai số (khối lượng nạo vét sai số không được tính).

5. Biện pháp bảo vệ môi trường:

- Nhà thầu trúng thầu thi công nạo vét phải lập biện pháp bảo vệ môi trường chi tiết và được cơ quan chức năng quản lý môi trường chấp thuận trước khi triển khai thi công.

- Các phương tiện và thiết bị thi công phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo độ kín không bị rò rỉ dầu, nhớt và đầy đủ các thiết bị phòng hộ, công suất phải phù hợp với công suất thiết kế theo lý lịch kỹ thuật của phương tiện;

- Phải có phương tiện và thiết bị thu gom chất thải rắn và dầu loang khi có sự cố.

6. Trao đổi công việc:

- Mọi ý kiến đề nghị, yêu cầu của nhà thầu đối với bên mời thầu đều thực hiện bằng các văn bản và được lưu trữ trong hồ sơ.

- Các quyết định, chỉ thị của bên mời thầu hoặc người được ủy quyền giải quyết các yêu cầu của nhà thầu cũng được thể hiện bằng các văn bản.

- Chỉ có bên mời thầu và người đại diện được ủy quyền (bằng văn bản) mới có quyền đưa ra các chỉ thị, quyết định cho nhà thầu.

7. Các mốc thi công:

Sau khi nhận bàn giao mặt bằng thi công, nhà thầu phải có trách nhiệm bảo quản các mốc toạ độ và cao độ dùng cho thi công đồng thời xây dựng các mốc phụ để có thể khôi phục lại các mốc có thể bị thất lạc hoặc hư hỏng trong quá trình thi công.

III. THIẾT KẾ KỸ THUẬT

Xem Hồ sơ thiết kế BVTC: Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất – Trạm nghiên – Dự án nhà máy xi măng **GxD** do Công ty cổ phần xây dựng công trình hàng hải lập tháng 7/2006 kèm theo hồ sơ mời thầu:

Tập 1: Thuyết minh – Bản vẽ

PHẦN B3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

1. Cơ sở pháp lý của bản điều kiện của hợp đồng:

Tất cả các điều kiện của bản hợp đồng giao nhận thầu thi công xây lắp công trình được đưa ra dựa trên các văn bản pháp lý sau:

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003
- Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội
- Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng
- Nghị định số: 16/2005/NĐ- CP ngày 07/02/2005 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
- Các văn bản hướng dẫn của liên Bộ, của các Bộ quản lý chuyên ngành hướng dẫn việc thực hiện QCQLĐT&XD và Luật đấu thầu, chủ yếu là:
 - + Nghị định số: 209/2004/NĐ- CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.
 - + Thông tư số 15/2000/TT-BXD ngày 13/11/2000 của Bộ Xây dựng hướng dẫn các hình thức quản lý thực hiện dự án đầu tư, xây dựng và đăng ký hoạt động xây dựng
 - + Quyết định số: 19/2003/QĐ-BXD ngày 03-7-2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy định điều kiện năng lực hoạt động xây dựng.
 - + Thông tư số 03/2003/TT-BKH ngày 19/5/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư.
 - + Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.
 - + Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư;
 - + Quyết định số: 2578/QĐ/1998/GTVT-CGD ngày 14/10/1998 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành nội dung, danh mục hồ sơ hoàn công công trình giao thông cầu, đường bộ.
 - + Nghị định số 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng.

- + Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành NĐ 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Quyết định số: 3225/CGĐ ngày 23/10/1997 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc hướng dẫn thực hiện điều lệ quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với công trình xây dựng giao thông.
- + Quyết định số: 2496/QĐ-KHKT ngày 24/9/1997 của Bộ trưởng Bộ GTVT " quy định về việc công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông "
- + Quy chế về BQLDA công trình xây dựng giao thông được ban hành theo Quyết định số: 1562/1999/QĐ-BGTVT ngày 26/9/1999 của Bộ trưởng Bộ GTVT
- + Chỉ thị số: 193/1998/CT-BGTVT ngày 27/3/2000 của bộ trưởng Bộ GTVT về việc sử dụng ngôn ngữ trong các tài liệu của dự án tín dụng vốn nước ngoài và lập hồ sơ hoàn công đối với các công trình xây dựng trong ngành GTVT.
- + Thông tư số 07/1999/TT-BXD ngày 23/9/1999 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý và áp dụng các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật xây dựng;
- + Nghị định số 70-HĐBT ngày 25/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành điều lệ về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp HĐKT, xử lý vi phạm pháp luật HĐKT.
- + Quy trình thực hiện trình tự đầu tư và xây dựng trong ngành GTVT được ban hành theo Quyết định số 1781/CGĐ ngày 17/7/1997 của Bộ trưởng Bộ GTVT.
- + Quyết định số: 337/1998/QĐ-BGTVT ngày 4-3-1998 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc sửa đổi khoản 16-3 điều 16 của quy trình thực hiện trình tự đầu tư và xây dựng trong ngành GTVT.
- + Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 1/4/2005 của Bộ XD hướng dẫn lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng cơ bản.
- + Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 31/01/1999 của Chính phủ về phí và lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước;
- + Thông tư số 76/2003/TT-BTC ngày 04/8/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm công trình xây dựng;
- + Quy chế về hợp đồng kinh tế trong XD CB được ban hành theo Quyết định số 29 QĐ/LB ngày 01/6/1992 của liên bộ Bộ Xây dựng - Trọng tài kinh tế Nhà nước.
- + Quyết định số: 06/2005/QĐ-BGTVT ngày 04/01/2005 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành một số quy định trong công tác đấu thầu xây lắp các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn trong nước do Bộ GTVT quản lý.
- + Quyết định số: 4391/2002/QĐ- BGTVT ngày 27/12/2002 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành quy định trách nhiệm và hình thức xử lý đối với các tổ chức, cá nhân khi vi phạm về quản lý, đảm bảo chất lượng các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.
- Quyết định số ngày/...../2007 của Công ty CP xi măng GxD về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu xây lắp hạng mục công trình nói trên.

- Quyết định số.....ngày/...../2007 của Công ty CP xi măng GxD về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu: Nạo vét khu nước trước cảng nhập và bến xuất – Trạm nghiền – Dự án nhà máy xi măng GxD.
- Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu.
- Các văn bản pháp lý hiện hành khác của Nhà nước.
- Và các văn bản hướng dẫn khác của các Bộ quản lý chuyên ngành.

Ngoài ra có tham khảo bản điều kiện hợp đồng xuất bản năm 1987 của Hiệp hội Quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) để áp dụng về một số nội dung phù hợp với những quy định hiện hành của Việt Nam, làm cho bản điều kiện hợp đồng được đầy đủ, chặt chẽ hơn.

2- Định nghĩa và cách hiểu một số thuật ngữ trong bản điều kiện hợp đồng

2.1 - Đại diện Chủ đầu tư:

Đại diện Chủ đầu tư là Công ty cổ phần xi măng GxD có trách nhiệm trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Đại diện chủ đầu tư có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại khoản 2 điều 36 thuộc ND số 16/2005/ND - CP, (sau đây viết tắt là CĐT).

2.2 - Tổ chức tư vấn Giám sát (viết tắt là TCTVGS):

+ Tổ chức TVGS (hay gọi là Tổ chức tư vấn quản lý dự án) là tổ chức có tư cách pháp nhân, có năng lực hành nghề thực hiện dịch vụ tư vấn trong xây dựng được CĐT thuê phải phù hợp với khoản 1 điều 37 thuộc ND số 16/2005/ND - CP nhằm để thay mặt CĐT thực hiện các nhiệm vụ trong việc quản lý chất lượng, tiến độ và giá thành xây dựng công trình.

+ TVGS trưởng có nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại các điều 4, 5, 6 theo Quy chế TVGS xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải được ban hành theo QĐ số 1562/1999/QĐ-BGTVT ngày 29/6/1999 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

2.3- Tư vấn giám sát trưởng (viết tắt là TVGST):

+ TVGST là người đại diện hợp pháp cao nhất tại hiện trường của TCTVGS, được TCTVGS ủy quyền trực tiếp lãnh đạo, tổ chức điều hành đơn vị TVGS thực hiện các nhiệm vụ theo quyền hạn và trách nhiệm được qui định trong Quy chế TVGS xây dựng các công trình giao thông trong ngành GTVT và theo các điều khoản của hợp đồng ký kết giữa TVGS với CĐT.

+ TVGST có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo điều 7 Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành GTVT được ban hành theo QĐ số 1562/1999/QĐ - BGTVT ngày 29/06/1999 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

2.4 - Giám sát viên (GSV):

+ Giám sát viên là các kỹ sư được tổ chức TVGS cử tham gia đơn vị thực hiện những nhiệm vụ của tổ chức TVGS đã ký kết với CĐT.

+ Giám sát viên có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo điều 8 Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành GTVT được ban hành theo QĐ số 1562/1999/QĐ - BGTVT ngày 29/06/1999 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

2.5 - *Mối quan hệ giữa TVGS* với CĐT, với tổ chức tư vấn thiết kế, với nhà thầu và với chính quyền và nhân dân địa phương được qui định tại các điều 10, 11, 12, 13 của Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành GTVT được ban hành theo QĐ số 1562/1999/QĐ - BGTVT ngày 29/06/1999 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

2.6 - *Người được ủy quyền:*

Khi TVGST vắng mặt thì TVGST phải cử người thay mặt mình giải quyết các công việc. Sự ủy quyền và rút bỏ ủy quyền phải bằng văn bản gửi cho CĐT, nhà thầu và các bên có liên quan.

3 - Trường hợp không thống nhất ý kiến:

- Nếu ý kiến của TVGST (hoặc Người được ủy quyền) và Giám sát viên khác nhau thì ý kiến của TVGST (hoặc Người được ủy quyền) là quyết định.

- Trường hợp không thống nhất ý kiến giữa GSV và nhà thầu thì GSV phải báo cáo với TVGST để TVGST trao đổi với nhà thầu. Trường hợp nếu nhà thầu không thống nhất với ý kiến của TVGST thì TVGST phải báo cáo với CĐT.

- Khi cần xin ý kiến thì TVGST báo cáo với CĐT.

4- Văn kiện hợp đồng

Với các tài liệu hình thành văn kiện hợp đồng, phải coi tài liệu nọ giải thích cho tài liệu kia và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bản hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp (bản thoả thuận hợp đồng).
- Quyết định duyệt kết quả đấu thầu.
- Hồ sơ thiết kế được duyệt.
- Hồ sơ mời thầu
- Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu.
- Các văn kiện khác liên quan đến việc dự thầu và xét thầu.

5. Cung cấp bản vẽ thiết kế:

- Chủ đầu tư chỉ cung cấp miễn phí 2 bộ hồ sơ thiết kế công trình cho nhà thầu sau khi ký hợp đồng giao thầu. Nhà thầu phải trả tiền nếu cần bản sao thêm hồ sơ thiết kế công trình.

- Trong quá trình thi công, nếu phía CĐT (cả phía tư vấn thiết kế) cần có những thay đổi cục bộ cho phù hợp với tình hình thực tế, thì CĐT phải cung cấp hồ sơ thiết kế bổ sung cho nhà thầu kịp thời phù hợp với tiến độ thi công đã được hai bên thống nhất. Nếu CĐT cấp hồ sơ trễ, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công thì nhà thầu được phép kéo dài thêm tiến độ và được đền bù thiệt hại theo dự toán được người có thẩm quyền duyệt.

- Các hồ sơ thiết kế tổ chức xây dựng và biện pháp thi công cụ thể do nhà thầu thực hiện phải được TVGST (những phần có ảnh hưởng lớn đến sự chịu lực của công trình lâu dài thì phải được cả kỹ sư tư vấn thiết kế) chấp nhận, nhà thầu phải gửi cho TVGST một bộ để

theo dõi kiểm tra. Tất nhiên nhà thầu phải thực hiện đúng hồ sơ thiết kế đó. Nếu cần thiết thay đổi phần nào cũng phải thống nhất lại với TVGST và cả kỹ sư tư vấn thiết kế (nếu cần). Việc thiết kế, xây dựng, lắp đặt công trình phụ, tạm phục vụ thi công là trách nhiệm của nhà thầu và phải được TVGST chấp thuận. Sự chấp thuận của TVGST sẽ không làm thay đổi trách nhiệm của nhà thầu đối với các công việc trên.

6. Trách nhiệm chính của nhà thầu:

6.1. Trách nhiệm tổng quát:

- Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng công trình phải tuân theo các điều 76, 78, 79, 82 của Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng thi công công trình do mình đảm nhiệm trước pháp luật và trước CĐT.

- Phải thực hiện đầy đủ các nội dung hồ sơ thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cũng như những nội dung do người kỹ sư tư vấn thiết kế quyết định theo thẩm quyền.

- Phải thực hiện đúng và đủ các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng nêu ra trong quy trình thi công nghiệm thu, các quy định về thí nghiệm kiểm tra công trình hiện hành của các cơ quan có thẩm quyền.

- Bản quy định kỹ thuật và chất lượng thi công trong hồ sơ mời thầu là tập hợp các quy định về các nội dung chủ yếu thuộc hai yêu cầu trên đối với việc thi công công trình cùng với các quy chế quản lý chất lượng công trình xây dựng, các mối quan hệ công tác giữa CĐT, tư vấn giám sát và nhà thầu, bắt buộc các bên nhất là nhà thầu phải nghiêm túc thực hiện.

6.2. Kế hoạch và biện pháp bảo đảm chất lượng:

- Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình của nhà thầu phải tuân theo các điều 18, 19, 20 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính Phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Nhà thầu phải có kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng thi công công trình, phải có bộ phận chuyên trách công tác quản lý chất lượng công trình của mình (kiểm tra chất lượng sản phẩm gọi tắt là KCS), có trình độ chuyên môn, bảo đảm KCS hoạt động hiệu quả, thiết thực. Nếu nhà thầu thuê đơn vị khác làm công tác thí nghiệm kiểm tra thì phải coi đơn vị đó như một nhà thầu phụ và phải làm đủ các thủ tục.

Nhà thầu phải trang bị đầy đủ thiết bị dụng cụ thử nghiệm kiểm tra chất lượng thi công. Nếu không có đầy đủ máy móc thiết bị thi công và thí nghiệm có chất lượng thì không được thi công. Nếu thuê loại dụng cụ thiết bị nào ở đâu thì phải nêu rõ trong hồ sơ dự thầu ở phụ lục máy móc thiết bị.

- KCS của nhà thầu phải thực hiện đầy đủ, thường xuyên và đúng đắn trung thực công tác thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu, chất lượng bán thành phẩm, chất lượng thi công công trình của nhà thầu theo đúng qui trình thi công và nghiệm thu đã quy định. Mọi thí nghiệm và kiểm tra nghiệm thu phải lập biên bản đầy đủ, chính xác.

6.3. Khắc phục các vi phạm về chất lượng:

- Nếu KCS hoặc giám sát viên - GSV phát hiện hoặc bất cứ trường hợp nào khác phát hiện chất lượng vật liệu hoặc thi công không đảm bảo yêu cầu thì nhà thầu phải có biện pháp sửa chữa triệt để và kịp thời thống nhất với TVGST hoặc GSV cách giải quyết, lập biên bản đầy đủ về biện pháp sửa chữa, về chất lượng và khối lượng công việc đã làm.

- Nếu xảy ra sự cố chất lượng thì nhà thầu không được tùy tiện xoá bỏ hiện trạng mà phải kịp thời báo cho GSV cùng phối hợp giải quyết, phải lập biên bản và đưa vào hồ sơ hoàn công.

6.4. Lập thiết kế tổ chức xây dựng và biện pháp thi công chi tiết:

- Trước khi khởi công công trình nhà thầu cụ thể hoá thiết kế tổ chức xây dựng và biện pháp thi công đã nêu trong hồ sơ dự thầu để thông qua CĐT và TVGST làm căn cứ triển khai thi công và kiểm tra việc thực hiện.

- Đầu kế hoạch thi công năm sau, hoặc khi xảy ra tình trạng tiến độ thi công bị chậm trễ thì nhà thầu phải lập lại tiến độ đó cho phù hợp với yêu cầu sắp tới với thủ tục như trên.

- Trước khi thi công một hạng mục công trình hay một bộ phận công trình quan trọng, kỹ thuật phức tạp, nhà thầu phải lập thiết kế biện pháp thi công chi tiết trình TVGST chấp nhận thì mới được triển khai thi công và đó là căn cứ để thực hiện kiểm tra nghiệm thu. Trong đó cần kê rõ số lượng, chất lượng về các máy móc thi công và các kiểm tra thí nghiệm, về nhân lực...đúng theo nội dung của hồ sơ dự thầu.

6.5. Kế hoạch công tác hàng ngày:

- Hàng ngày (nếu một dây chuyền công việc hàng ngày giống nhau thì trong ngày đầu của thời gian đó) Giám đốc điều hành dự án phải vạch kế hoạch thực hiện từng công việc đó, xác định rõ khối lượng thực hiện dự kiến, số lượng, chất lượng máy móc thiết bị thi công và công tác thí nghiệm, nhân lực, công nghệ thi công, chất lượng phải đạt được.

- Kế hoạch đó phải được giao cho đội trưởng (hay tổ, nhóm) thi công và đưa vào sổ nhật ký thi công, đồng thời giao cho GSV một bản. Khi kết thúc thời gian đó phải đưa số liệu và kết quả thực hiện vào sổ nhật ký để theo dõi.

6.6. Tuân thủ sự quản lý và giám sát chất lượng của CĐT:

- Nhà thầu phải tuân thủ sự quản lý và giám sát chất lượng thi công của CĐT, TVGST và việc giám sát tác giả của chủ nhiệm đồ án thiết kế (hoặc người được ủy quyền) theo quy chế hiện hành của Nhà nước.

- Việc quản lý thí nghiệm kiểm tra chất lượng giám sát thi công của TVGST, giám sát tác giả của chủ nhiệm đồ án thiết kế, không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu đối với các sai sót của mình về các vấn đề mà hồ sơ thiết kế hay quy trình quy phạm hiện hành của Nhà nước đã quy định rõ, trừ khi lỗi do CĐT hoặc TVGST có văn bản bắt buộc không làm đúng như vậy.

- Trong trường hợp CĐT, TVGST, GSV, chủ nhiệm đồ án thiết kế có các chỉ dẫn chất lượng cho nhà thầu thực hiện sai kém với quy trình, quy phạm hiện hành, thì Giám đốc điều hành thi công của nhà thầu phải có văn bản phản ánh với họ những ý kiến của mình và gửi cho CĐT một bản trước khi thực hiện.

- Nhà thầu chỉ thực hiện các chỉ dẫn sai lạc đó trong trường hợp cần thiết sau khi đã gửi văn bản trên mà họ không chấp nhận.

6.7. Tránh các ảnh hưởng và thiệt hại đến các người khác:

- Cho đến khi kết thúc việc bảo hành công trình, nhà thầu phải tiến hành các biện pháp hợp lý để tránh làm hư hỏng tài sản công trình của những người xung quanh; gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sinh thái, mỹ quan và các sai sót khác ngoài những việc mà theo hồ sơ thiết kế tổ chức xây dựng và biện pháp thi công (do CĐT nêu ra trong hồ sơ mời thầu và ý kiến của nhà thầu trong hồ sơ dự thầu) đã xét đến mà CĐT đã giải quyết đền bù và phân do nhà thầu trả bằng khoản tiền công trình tạm thời đã được tính trong giá dự thầu.

- Mọi chi phí công trình tạm thời phục vụ thi công đều được đưa vào đơn giá dự thầu, vì vậy các nhà thầu phải đứng ra liên hệ với chủ các công trình liên quan (đường sá, bến bãi, nhà cửa,...) mà nhà thầu cần thuê mượn để sử dụng tạm thời, tự giải quyết mọi thủ tục với họ.

- Nhà thầu không được có sai phạm về các vấn đề nêu trên, dẫn đến các khiếu nại, kiện tụng từ phía người bị hại. Nếu để xảy ra tình trạng đó thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm đền bù thêm về khoản thiệt hại đó. Nếu nhà thầu không giải quyết thỏa đáng thì CĐT được quyền trích một phần khoản tiền trả cho nhà thầu để đền bù thay cho họ.

6.8. Giải tỏa các chướng ngại:

- Nhà thầu phải giải tỏa các chướng ngại bảo đảm cảnh quan cho công trường. Trong quá trình chuẩn bị và thi công, nhà thầu phải giải tỏa các trở ngại không cần thiết, bố trí công trường gọn sạch, bộ phận hoặc hạng mục công trình nào đã kết thúc thì nên hoàn thiện ngay hoặc hoàn thiện sơ bộ.

- Khi hoàn thiện công trình, phải thu dọn toàn bộ rác rưởi, vật liệu thừa, tháo dỡ các công trình phụ, tạm thời phục vụ thi công, thanh thải các chướng ngại do thi công rơi vãi... trong toàn bộ phạm vi công trường đã hoạt động bảo đảm cảnh quan và môi trường sạch đẹp, tiện dụng cho công trình và cả khu vực.

6.9. An toàn lao động và an toàn giao thông:

- Nhà thầu phải thực hiện mọi biện pháp để bảo đảm an toàn lao động trong quá trình thi công trên phạm vi nhà thầu hoạt động bằng nguồn kinh phí của mình. Nhà thầu phải chịu mọi phí tổn và trách nhiệm pháp lý về việc tai nạn xảy ra.

- Trên phạm vi nhà thầu hoạt động, nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông và an toàn giao thông bằng nguồn kinh phí của mình, không để xảy ra tình trạng ách tắc giao thông. Nhà thầu phải chịu mọi phí tổn và trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước về việc tai nạn giao thông xảy ra.

6.10. Mua bảo hiểm:

- Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, kể cả phần công trình đã thi công nhưng chưa được CĐT nghiệm thu để thanh toán; bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba theo Quy tắc bảo hiểm do Bộ Tài chính ban hành.

- Phí bảo hiểm tính vào chi phí sản xuất, nhà thầu phải đưa vào đơn giá dự thầu của mình.

- Trừ những nguyên nhân theo quy định tại mục II điểm a,b trong Quy tắc bảo hiểm của Bộ Tài chính (chiến tranh xâm lược, hành động thù địch của nước ngoài, chiến sự, nội chiến, bạo loạn, đình công, bãi công, tịch biên, tịch thu hay phá hủy theo lệnh của Chính Phủ, phản ứng hạt nhân...) hoặc tổn thất thiệt hại do CĐT gây ra, hoặc do những thiên tai lớn mà một nhà thầu có kinh nghiệm cũng không có biện pháp phòng ngừa, còn lại những rủi ro thiệt hại trong phạm vi quản lý của nhà thầu, hoặc trong thời kỳ nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý, cũng như những tổn thất thiệt hại do nhà thầu gây ra, nhà thầu đều phải tự lo liệu chi phí cho việc sửa chữa khắc phục tổn thất để bảo đảm cho việc xây dựng công trình được duy trì.

- Những rủi ro của CĐT thì do CĐT chi trả và nhà thầu có trách nhiệm thực hiện việc khắc phục theo yêu cầu của CĐT và TVGST. Nếu nhà thầu không thực hiện quy định trên thì CĐT được quyền trích khoản tiền thanh toán cho nhà thầu để thuê lực lượng khác thực hiện để đảm bảo tiến độ xây dựng.

- Nhà thầu phải cung cấp bằng chứng cho CĐT là nhà thầu đã mua bảo hiểm theo quy định. Nếu nhà thầu chưa mua thì CĐT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện.

6.11. Bảo hành công trình:

- Nhà thầu phải thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo điều 29 Nghị định 209/2004/NĐ-CP.

- Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày nhà thầu kết thúc hoạt động xây dựng, bàn giao chính thức công trình cho CĐT.

- Mức tiền bảo hành công trình xây dựng được tính bằng 5% giá trị khối lượng xây lắp công trình.

6.12. Hồ sơ hoàn công:

Nhà thầu phải lập hồ sơ hoàn công theo điều 27 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính Phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Nhà thầu phải thực hiện cập nhật ngay từ khi khởi công và trong quá trình thi công, việc lập dần hồ sơ hoàn công các bộ phận và hạng mục đã thi công. Hồ sơ hoàn công toàn bộ công trình phải được lập xong khi CĐT nghiệm thu công trình hoàn thành và phải nộp đầy đủ 6 bộ cho CĐT trong vòng một tháng sau khi CĐT và nhà thầu ký biên bản bàn giao công trình

hoàn thành. Nếu sau một tháng nhà thầu không cung cấp đủ hồ sơ hoàn công CĐT khấu trừ 1% kinh phí xây lắp.

7. Tính pháp lý của hồ sơ dự thầu

7.1- Nhà thầu phải được coi là đã hài lòng về tính đúng đắn và đầy đủ của hồ sơ dự thầu của mình. Sau khi hết thời hạn nộp hồ sơ dự thầu cũng như sau khi công bố thắng thầu không được tìm cách để thay đổi những nội dung đã được mình nêu ra trong hồ sơ. Do đó trước khi nộp hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải nghiên cứu kỹ hồ sơ mời thầu, xem xét kỹ công trường, kể cả tình hình địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, nơi dự kiến cung cấp vật liệu xây dựng, điều kiện vận chuyển, các chế độ chính sách về xây dựng để lập hồ sơ cho phù hợp đem lại lợi ích thiết thực cho mình.

Những gì chưa rõ thuộc nhiệm vụ của CĐT phải cung cấp thì nhà thầu có quyền đòi hỏi CĐT giải đáp.

7.2- Tuy nhiên, nếu trong khi thi công công trình, nhà thầu gặp những trở ngại thực tế ngoài những điểm nêu trong hồ sơ mời thầu mà theo ý mình một nhà thầu có kinh nghiệm nhất cũng không thể lường trước được thì nhà thầu lập văn bản đề nghị với CĐT, đồng thời gửi 1 bản cho TVGST. Nếu CĐT và TVGST cũng thống nhất với đánh giá của nhà thầu thì sẽ lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý. CĐT sẽ giải quyết cho nhà thầu những gì mà cấp có thẩm quyền đã chấp nhận bằng văn bản (như gia hạn thời gian thi công, cho thanh toán chi phí tăng lên,...).

8. Kiểm tra thử nghiệm chất lượng nguyên vật liệu, máy móc thi công, thí nghiệm kiểm tra, tay nghề công nhân và chất lượng sản phẩm:

8.1. Nhà thầu tự kiểm tra:

Nhà thầu phải thực hiện việc tự kiểm tra, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình quy phạm thi công, theo quy định kỹ thuật thi công trong hồ sơ mời thầu và theo phương án kỹ thuật chất lượng thi công nêu trong hồ sơ dự thầu.

8.2. Kiểm tra của CĐT:

Thường xuyên hoặc đột xuất GSV, TVGST, đôi khi CĐT hoặc tổ chức giám định, cơ quan quản lý Nhà nước được quyền có nhiệm vụ đi kiểm tra, thanh tra lại các nơi sản xuất, chế tạo hay tại kho bãi của nhà thầu về chất lượng thi công và hoạt động kỹ thuật của nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ kỹ thuật, chất lượng, nhân lực, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc kiểm tra, thanh tra đó theo yêu cầu của CĐT và tổ chức tư vấn giám sát.

8.3. Kiểm tra, thanh tra của cơ quan pháp lý:

Việc kiểm tra, thanh tra của các tổ chức nói trên có thể là kiểm tra việc thực hiện tự kiểm tra của Giám đốc điều hành, của KCS thuộc nhà thầu qua các biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm tra, sổ nhật ký, sổ chất lượng thi công. Cũng có thể thực hiện theo xác xuất việc đo đạc, đối chứng với số liệu của nhà thầu để đánh giá độ tin cậy việc tự kiểm tra KCS của nhà thầu đối với vật liệu bán thành phẩm, thành phẩm công trình hoặc đối với tổ chức sản xuất.

8.4. Giám sát chất lượng:

- Một trong những nội dung giám sát thường xuyên của TVGS là kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, chất lượng và số lượng máy móc thiết bị thi công, trang thiết bị thí nghiệm kiểm tra, tay nghề của công nhân và tổ chức sản xuất, công nghệ thi công ngay trên hiện trường.

- Kết quả kiểm tra phải được ghi vào sổ chất lượng công trình nếu đảm bảo yêu cầu; phải lập biên bản và có biện pháp xử lý với Giám đốc điều hành nếu có nhiều sai phạm. CĐT và GSV có quyền yêu cầu Giám đốc điều hành thi công đưa vật liệu, máy móc, thiết bị thi công kém chất lượng, kể cả cán bộ, kỹ sư điều hành và công nhân lao động có sai phạm về chất lượng thi công ra khỏi công trình.

9. Kiểm tra nghiệm thu các công trình ẩn dấu hoặc bị che khuất:

9.1. Nhà thầu phải báo cho CĐT:

Khi thi công xong công trình ẩn dấu hoặc bị che khuất, nhà thầu phải báo trước 24 giờ cho GSV biết để GSV và nhà thầu tiến hành kiểm tra nghiệm thu bộ phận đó trước khi bị che lấp. Nếu GSV không tham dự thì phải báo cho nhà thầu biết để nhà thầu chủ động trong việc bố trí công việc. Nếu GSV không dự được mà không báo cho nhà thầu biết thì nhà thầu có quyền đơn phương kiểm tra nghiệm thu, cho tiến hành thi công công trình che lấp. Tuy nhiên, nếu nhà thầu gian dối trong việc nghiệm thu, nếu GSV phát hiện được thì không những nhà thầu vẫn có lỗi mà còn phải chịu phạt nặng do sai phạm. Nhất thiết phải có biên bản kiểm tra nghiệm thu chất lượng mới được chuyển bước thi công.

9.2. Các trường hợp khác:

- Trường hợp nhà thầu không báo cho GSV đến tham dự kiểm tra công trình ẩn dấu hoặc bị che khuất mà tùy tiện che lấp thì GSV có quyền yêu cầu nhà thầu tháo dỡ phần che lấp để GSV kiểm tra, nhà thầu phải chịu mọi chi phí thí nghiệm và tháo dỡ đó, mặc dù kết quả của GSV cho thấy chất lượng thi công đạt hay không đảm bảo chất lượng.

- Nếu nhà thầu có báo mà GSV không đến tham dự kiểm tra thì dù GSV có lỗi hay không, GSV vẫn có quyền yêu cầu nhà thầu tháo dỡ phần che lấp để kiểm tra. Nếu GSV kiểm tra cho thấy nhà thầu thi công chất lượng đảm bảo thì phía GSV phải chịu mọi phí tổn cho việc tháo dỡ và thí nghiệm đó. Nhưng nếu nhà thầu thi công chất lượng không đảm bảo thì nhà thầu phải chịu các chi phí đó.

10. Chi phí thí nghiệm:

10.1. Các thí nghiệm do nhà thầu thực hiện:

Nhà thầu có trách nhiệm phải thực hiện các thí nghiệm phục vụ cho các hoạt động kiểm tra nghiệm thu phối hợp hai bên GSV và nhà thầu theo số lượng quy định trong các Quy trình thi công nghiệm thu. Mọi chi phí do nhà thầu phải chịu, chi phí này đã được tính trong đơn giá dự thầu

10.2. Thí nghiệm theo yêu cầu CĐT:

Nếu các thí nghiệm do yêu cầu của CĐT, TCTVGS, Tổ chức giám định, cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu thực hiện để kiểm tra xác suất, kiểm tra đối chứng cho thấy chất lượng không đạt thì nhà thầu phải chịu chi phí thí nghiệm đó. Ngược lại, thí nghiệm chứng minh rằng chất lượng đảm bảo thì bên CĐT phải chi trả.

11. Sửa chữa sai sót và chi phí sửa chữa sai sót:

11.1. Đối với vật liệu, thiết bị thi công, nhân lực, sản phẩm xây dựng:

- Vật liệu, máy móc thiết bị thi công, thiết bị dụng cụ thí nghiệm kiểm tra, công nhân và nhân viên của nhà thầu, các sản phẩm của nhà thầu, nếu không đảm bảo chất lượng tối thiểu thì nhà thầu không được sử dụng và phải loại bỏ ra khỏi phạm vi công trường.

- Nếu nhà thầu không tự giác chủ động sửa sai thì GSV có quyền bắt buộc nhà thầu thực hiện. Các chi phí đó nhà thầu phải tự gánh chịu.

- Nếu nhà thầu vẫn kháng kháng không chịu thực hiện thì CĐT có quyền đình chỉ nhà thầu làm việc đó và thuê nhà thầu khác thực hiện việc sửa chữa khắc phục. CĐT sẽ trích tiền thanh toán cho nhà thầu phạm lỗi để chi trả cho nhà thầu do CĐT thuê làm thay.

- Nếu nhà thầu vi phạm chất lượng công trình thì phải sửa chữa đền bù phần hư hại và còn bị phạt hợp đồng theo Quyết định số 29 QĐ/LB ngày 01/06/1992 của liên Bộ Xây dựng-Trọng tài kinh tế Nhà nước và theo Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.

11.2. Nếu sai sót thiệt hại do những nguyên nhân sau:

- Gặp các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch họa nặng nề như quy định tại mục II điểm a,b trong quy tắc bảo hiểm của Bộ Tài chính (Quyết định số 663 TC/QĐ - TCNH).

- Các trở ngại lớn không thể lường trước như đã nêu.

- Do hồ sơ khảo sát thiết kế của tư vấn khảo sát thiết kế (do CĐT hợp đồng) lập có sai sót.

- Do CĐT, TCTVGS ép buộc nhà thầu thực hiện các chỉ dẫn sai lệch của mình - mặc dù nhà thầu đã chỉ ra các sai lệch này bằng văn bản trước khi thực hiện.

- Hoặc một lý do nào đó chính đáng được TCTVGS hoặc CĐT hoặc Tòa án kinh tế có liên quan chấp nhận.

Những sai sót này nhà thầu phải lập thành văn bản thuyết trình và dự toán có sự xác nhận của GSV gửi cho CĐT. CĐT hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ thanh toán cho nhà thầu.

12. Về giải phóng mặt bằng xây dựng:

12.1. Phạm vi giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đã được xác định trong Hồ sơ thiết kế BVTC và đã được thẩm duyệt.

12.2. Tiến độ giải phóng mặt bằng sẽ được nhà thầu đề xuất phù hợp với tiến độ thi công của nhà thầu gửi cho CĐT để chấp thuận và thực hiện.

Nếu CĐT giao mặt bằng chậm, phần nào làm chậm tiến độ thi công và gây thiệt hại cho nhà thầu do phải chờ đợi thì GSV phải theo dõi và báo cáo với CĐT. CĐT phải gia hạn tiến độ thi công.

13. Về tiến độ thi công:

13.1. Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với tiến độ thi công mà nhà thầu đã thống nhất với TCTVGS để kịp thời có biện pháp xử lý, các chậm trễ từng khâu công tác, từng mũi thi công.

13.2. Nếu TCTVGS và CĐT thấy tiến độ nhà thầu thực hiện bị chậm, có khả năng làm chậm thời hạn hoàn thành công trình thì nhà thầu phải có biện pháp cần thiết với sự đồng ý của TCTVGS để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu, nhà thầu sẽ **không được trả thêm khoản tiền nào về những biện pháp đó.**

13.3. Nhưng nếu lý do chậm tiến độ do phía CĐT gây ra thì hoặc phải kéo dài tiến độ thi công hoặc nhà thầu vẫn phải có biện pháp đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu của TCTVGS nhưng được trả chi phí cho các biện pháp tăng tiến độ thi công.

13.4. Nếu công trình hoàn thành chậm hơn so với thời gian quy định trong quyết định thắng thầu, do lỗi của nhà thầu gây ra thì nhà thầu phải chịu bồi đắp mọi tổn thất và phải chịu phạt theo mức phạt mà nhà thầu tự đề ra trong hồ sơ dự thầu (hoặc bằng 1 - 5% giá trị hợp đồng nếu trong hồ sơ dự thầu chưa đề cập).

13.5. Trường hợp việc thi công chậm trễ của nhà thầu là rõ ràng và CĐT không cho phép công trình được hoàn thành chậm như thế, nhưng nhà thầu không chăm lo hoặc không có biện pháp đủ tin cậy để TCTVGS và CĐT tin tưởng việc chậm trễ sẽ được khắc phục, thì CĐT có quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng đang dở dang với nhà thầu, nhà thầu phải đền bù và chịu phạt như nêu tại điểm 13.4 ở trên và bị tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng. CĐT có quyền thay thế bằng một nhà thầu khác có khả năng hơn.

14. Thay đổi thiết kế:

14.1. Nhà thầu không được tự ý làm khác với hồ sơ thiết kế đã được duyệt hoặc thuộc bản quyền tác giả thiết kế.

14.2. Chỉ có kỹ sư thiết kế là tác giả của thiết kế đó mới có quyền sửa đổi hoặc chấp nhận các đề nghị sửa đổi cục bộ, không trái với hồ sơ thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi đã thống nhất với CĐT. Việc thay đổi đó không làm giảm chất lượng công trình và không làm tăng kinh phí xây dựng.

14.3. Trong trường hợp việc thay đổi hoặc phát sinh làm tăng kinh phí xây dựng là cần thiết và không thể tránh khỏi thì kỹ sư tư vấn thiết kế phải lập hồ sơ thiết kế bổ sung để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và CĐT phải chi trả kinh phí thi công cho nhà thầu kể cả việc xét gia tăng thời hạn xây dựng.

15. Nghiệm thu khối lượng và thanh toán khối lượng thực hiện:

15.1. Việc nghiệm thu khối lượng công trình thực hiện và lập chứng từ thanh toán được thực hiện vào từng hạng mục công việc. Việc đo xác nhận khối lượng thực hiện được tiến hành giữa hai bên TCTVGS và nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp bản vẽ thiết kế và dụng cụ thiết bị để thực hiện việc đo đạc.

Bản khối lượng công việc thực hiện phải được kèm theo biên bản kiểm tra nghiệm thu về chất lượng đạt yêu cầu. Nếu chất lượng không đạt thì không được nghiệm thu thanh toán.

15.2. Lập chứng từ thanh toán:

Căn cứ vào bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và đơn giá trúng thầu, các quy định của Nhà nước, nhà thầu lập chứng từ thanh toán gửi cho CĐT để làm thủ tục thanh toán.

15.3. Sau khi công trình hoàn thành và hoàn tất hồ sơ:

- Sau khi tổng nghiệm thu công trình, nếu có những thiếu sót tồn tại cần sửa chữa để hoàn thiện phải hoàn thành đúng thời hạn quy định để phúc tra. Nếu nhà thầu không hoàn thành, CĐT giành quyền thuê đơn vị khác sửa chữa với kinh phí thoả thuận và sẽ khấu trừ vào giá trị xây lắp công trình và trừ điểm khi đánh giá về năng lực trình độ kỹ thuật vào các công trình sẽ đấu thầu sắp tới.

- Lập xong biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành, nhà thầu phải nộp cho CĐT bản tính toán giá trị thanh toán hợp đồng, tổng số tiền CĐT đã thanh toán trong quá trình thi công, số tiền còn chưa được thanh toán để CĐT giải quyết việc thanh toán tiếp cho nhà thầu và làm quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

15.4. Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ hoàn công và hồ sơ thanh quyết toán công trình, chậm nhất 1 tháng kể từ ngày hai bên ký vào biên bản nghiệm thu bàn giao công trình. Nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo tiến độ đề ra bên mời thầu sẽ khấu trừ 1% giá trị hợp đồng xây lắp.

16. Trông nom công trình trong quá trình thi công:

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trông nom công trình từ khi chuẩn bị thi công cho đến khi hoàn thành toàn bộ công trình bàn giao một lần cho CĐT, đối với tất cả các bộ phận, hạng mục công trình đã xây dựng (hoặc bàn giao dần từng hạng mục công trình nếu theo CĐT là thích hợp).

- Các chi phí đó được đưa vào giá dự thầu. Riêng phần bảo hiểm các bộ phận công trình đã được CĐT nghiệm thu thanh toán thì thuộc phần bảo hiểm của CĐT.

17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

17.1. Phải cung cấp đầy đủ và kịp thời hồ sơ thiết kế chính xác cho nhà thầu kể cả thay đổi thiết kế (nếu có).

17.2. Giải phóng mặt bằng, bàn giao kịp thời và đầy đủ cho nhà thầu kịp tiến độ thi công mà hai bên đã thống nhất.

17.3. Bố trí đầy đủ thường xuyên lực lượng GSV và các GSV có chất lượng, có tinh thần trách nhiệm làm tốt nhiệm vụ giám sát thực hiện dự án của CĐT, hợp tác giúp đỡ nhà thầu hoàn thành tốt trách nhiệm của đơn vị thi công.

17.4. Kịp thời giải quyết các khó khăn trở ngại phát sinh trong quá trình thi công để không làm ảnh hưởng nhiều đến nhà thầu.

Nếu CĐT giao chậm hồ sơ thiết kế, giao chậm mặt bằng thi công và các chỉ thị không phù hợp mà bắt buộc nhà thầu phải thực hiện, gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải đền bù thiệt hại cho nhà thầu và gia hạn tiến độ thi công.

18. Giải quyết tranh chấp:

18.1- Trường hợp nhà thầu thực hiện không bảo đảm chất lượng hoặc tiến độ thi công hoặc vi phạm các điều khoản trong hợp đồng thì tùy theo mức độ, hai bên CĐT và nhà thầu lập biên bản xác nhận. Nếu vi phạm nghiêm trọng thì CĐT có quyền cho ngừng thi công, hủy bỏ hợp đồng và thay bằng nhà thầu khác có đủ năng lực thực hiện.

Các chi phí liên quan do việc vi phạm hợp đồng gây ra cho công trình sẽ được bù đắp bằng cách:

- CĐT sẽ giữ lại số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- Nếu mức độ đền bù vượt quá số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì CĐT sẽ trừ vào giá trị khối lượng sẽ được thanh toán của nhà thầu.

18.2- Mọi tranh chấp giữa CĐT và nhà thầu trước hết hai bên giải quyết qua thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì cùng báo cáo lên cấp trên. Trường hợp báo cáo lên cấp trên cũng không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án kinh tế.

Bản điều kiện hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng kinh tế được ký kết giữa CĐT và nhà thầu thi công xây lắp công trình.

19. Các phát hiện

Bất kỳ các lợi ích thuộc về lịch sử hoặc lợi ích khác có giá trị được vô tình tìm thấy trên công trường đều thuộc về tài sản của Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ phải thông báo cho chủ đầu tư các phát hiện đó và thực hiện các hướng dẫn của chủ đầu tư để giải quyết.

MỤC LỤC

PHẦN A: MỜI THẦU.....	1
THÔNG BÁO MỜI THẦU.....	2
LỊCH THỰC HIỆN ĐẤU THẦU.....	3
PHẦN B: NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU	4
B1. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU.....	5
I. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU	5
I-1. Nội dung đấu thầu	5
I-2. Nguồn vốn.....	5
I-3. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu.....	5
I-4. Hồ sơ mời thầu và giải thích làm rõ hồ sơ mời thầu	6
I-5. Sửa đổi hồ sơ mời thầu.....	7
I-6. Chí phí dự thầu.....	7
I-7. Ngôn ngữ sử dụng.....	7
I-8. Nội dung hồ sơ dự thầu.....	7
I-9. Đơn dự thầu.....	10
I-10. Giá dự thầu và biểu giá.....	10
I-11. Đồng tiền dự thầu:.....	13
I-12. Tư liệu chứng minh tư cách hợp lệ, kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu.....	13
I-13. Bảo lãnh dự thầu.....	16
I-14. Thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu	16
I-15. Quy cách của hồ sơ dự thầu và chữ ký trong hồ sơ dự thầu.....	16
I-16. Niêm phong và ghi tên trên túi đựng hồ sơ dự thầu.....	17
I-17. Thời hạn nộp hồ sơ dự thầu.....	17
I-18. Hồ sơ dự thầu nộp muộn	17
I-19. Sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu.....	17
I-20. Mở thầu	17
I-21. Làm rõ hồ sơ dự thầu.....	18
I-22. Đánh giá sơ bộ hồ sơ dự thầu	18
I-23. Đánh giá về mặt kỹ thuật.....	18
I-24. Xác định giá đánh giá	20
I-25. Sửa lỗi.....	20
I-26. Hiệu chỉnh các sai lệch	21
I-27. Chuyển đổi sang một đồng tiền chung	21
I-28. Mặt bằng để so sánh hồ sơ dự thầu	21

I-29. Tiếp xúc với Bên mời thầu	22
I-30. Điều kiện được đề nghị trúng thầu	22
I-31. Quyền của Bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các hồ sơ dự thầu.....	22
I-32. Công bố kết quả đấu thầu.....	22
I-33. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.....	22
I-34. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.....	23
I-35. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu, chỉ dẫn địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị	23
I-36. Xử lý các vi phạm trong đấu thầu	23
II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU	23
III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ	24
1. Tiêu chuẩn đánh giá	24
2. Nội dung xác định giá đánh giá	30
IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU	30
PHẦN B2: YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP.....	61
I. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CỦA GÓI THẦU	61
1. Phạm vi công việc	61
2. Tiến độ thực hiện	61
II. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT	61
III. THIẾT KẾ KỸ THUẬT.....	64
PHẦN B3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG	64
1. Cơ sở pháp lý của bản điều kiện của hợp đồng:	64
2- Định nghĩa và cách hiểu một số thuật ngữ trong bản điều kiện hợp đồng	66
3 - Trường hợp không thống nhất ý kiến:	67
4- Văn kiện hợp đồng.....	67
5. Cung cấp bản vẽ thiết kế:.....	67
6. Trách nhiệm chính của nhà thầu:	68
6.1. Trách nhiệm tổng quát:	68
6.2. Kế hoạch và biện pháp bảo đảm chất lượng:	68
6.3. Khắc phục các vi phạm về chất lượng:	69
6.4. Lập thiết kế tổ chức xây dựng và biện pháp thi công chi tiết:	69
6.5. Kế hoạch công tác hàng ngày:	69
6.6. Tuân thủ sự quản lý và giám sát chất lượng của CĐT:.....	69
6.7. Tránh các ảnh hưởng và thiệt hại đến các người khác:	70
6.8. Giải toả các chương ngại:	70

6.9. An toàn lao động và an toàn giao thông:	70
6.10. Mua bảo hiểm:	71
6.11. Bảo hành công trình:	71
6.12. Hồ sơ hoàn công:	71
7. Tính pháp lý của hồ sơ dự thầu.....	72
8. Kiểm tra thử nghiệm chất lượng nguyên vật liệu, máy móc thi công, thí nghiệm kiểm tra, tay nghề công nhân và chất lượng sản phẩm:	72
8.1. Nhà thầu tự kiểm tra:	72
8.2. Kiểm tra của CĐT:	72
8.3. Kiểm tra, thanh tra của cơ quan pháp lý:	72
8.4. Giám sát chất lượng:	73
9. Kiểm tra nghiệm thu các công trình ẩn dấu hoặc bị che khuất:	73
9.1. Nhà thầu phải báo cho CĐT:	73
9.2. Các trường hợp khác:.....	73
10. Chi phí thí nghiệm:	73
10.1. Các thí nghiệm do nhà thầu thực hiện:	73
10.2. Thí nghiệm theo yêu cầu CĐT:.....	74
11. Sửa chữa sai sót và chi phí sửa chữa sai sót:	74
11.1. Đối với vật liệu, thiết bị thi công, nhân lực, sản phẩm xây dựng:	74
11.2. Nếu sai sót thiệt hại do những nguyên nhân sau:.....	74
12. Về giải phóng mặt bằng xây dựng:	74
13. Về tiến độ thi công:.....	75
14. Thay đổi thiết kế:	75
15. Nghiệm thu khối lượng và thanh toán khối lượng thực hiện:	76
16. Trông nom công trình trong quá trình thi công:	76
17. Trách nhiệm của Chủ đầu tư	76
18. Giải quyết tranh chấp:	77
19. Các phát hiện.....	77